THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1686/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2976B/BC-HĐTĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

Căn cứ Văn bản số 6283/CV-HĐTĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tại Tờ trình số 2305/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023, văn bản số 2416/UBND-TH ngày 10 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 373/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia rà soát của các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Hà Nam với diện tích là 861,93 km^2; gồm 06 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên và các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Lý Nhân, Bình Lục. Phía Bắc

tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, phía Nam giáp tỉnh Nam Định, phía Tây Nam giáp tỉnh Ninh Bình và phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX; Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Khai thác tối đa các lợi thế đặc thù về vị trí địa lý chiến lược của tỉnh liền kề với thành phố Hà Nội, nằm trong Vùng Thủ đô Hà Nội và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tiếp cận, nắm bắt, tận dụng hiệu quả các thành tựu, cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng để Hà Nam phát triển nhanh, bền vững, toàn diện theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với các động lực tăng trưởng quan trọng: công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; công nghệ cao; đô thị; dịch vụ du lịch, y tế, logistics, giáo dục và đào tạo; nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao.

c) Chú trọng phát huy hiệu quả nội lực và tăng cường thu hút ngoại lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng liên kết vùng và đa mục tiêu nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; sử dụng hiệu quả nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tổ chức phát triển không gian toàn tỉnh theo hướng xanh, bền vững. Phát triển các đô thị xanh, thông minh; không gian đô thị tập trung theo các hành lang phát triển, kết hợp phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới nâng cao - nông thôn mới kiểu mẫu; bố trí hợp lý các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

đ) Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Phát triển toàn diện các lĩnh vực xã hội, lấy giá trị văn hóa, con người là nền tảng phát triển bền vững; coi trọng đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

g) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chủ động mở rộng các quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030 xây dựng tỉnh Hà Nam giàu đẹp, văn minh, phấn đấu đạt mức phát triển khá của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát huy tối đa, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và nguồn lực để Hà Nam phát triển nhanh, toàn diện và bền vững; trở thành trung tâm công nghiệp - công nghệ cao thân thiện với môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội lớn; trung tâm du lịch văn hóa gắn với du lịch văn hóa tâm linh, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, sản xuất hàng hóa với năng suất, chất lượng, giá trị cao; có tốc độ tăng năng suất lao động cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng nhân lực; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng số đồng bộ, hiện đại và kết nối thuận lợi với các tỉnh trong vùng và cả nước; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, an sinh xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được đảm bảo và không ngừng nâng cao; đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế *(GRDP)* bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 11,2%/năm;

+ Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 70,5%, ngành dịch vụ chiếm 26%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 3,5%;

+ GRDP bình quân đầu người đạt trên 230 triệu đồng;

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021 - 2030 đạt 758 nghìn tỷ đồng;

+ Phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 21.000 tỷ đồng;

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11%/năm;

+ Phấn đấu kinh tế số chiếm 25 - 30% GRDP;

+ Chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp *(TFP)* đạt 30%.

+ Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 60%;

+ 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và phấn đấu có 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Về xã hội:

+ Giai đoạn 2021 - 2030, giải quyết việc làm mới bình quân trên 25.000 lao động/năm;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%, trong đó tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 65%;

+ 100% trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia; trong đó 70% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2;

+ Đến năm 2030, phấn đấu toàn tỉnh cơ bản không còn hộ nghèo;

+ Đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân và 32 giường bệnh/1 vạn dân;

+ Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống dưới 15%;

+ Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 60%, tỷ lệ dân số có bảo hiểm y tế đạt 99%.

- Về bảo vệ môi trường:

+ 100% dân số tỉnh Hà Nam được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

+ 100% rác thải ở thành thị được thu gom và xử lý, 98% rác thải nông thôn được thu gom *(95 - 98% được xử lý)*.

+ 100% các khu, cụm công nghiệp mở rộng và thành lập mới có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý trước khi thải ra môi trường đạt trên 60% tại các đô thị loại II trở lên, trên 40% tại các đô thị loại III, IV, trên 30% tại các đô thị loại V.

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,5%.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho Khu Công nghệ cao Hà Nam, các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc, Khu Đại học Nam Cao và các khu chức năng quan trọng khác, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

+ Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo kết nối, lưu thông thông suốt. Các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III, IV đồng bằng. Quy hoạch hệ thống đường gom, đường song hành, nút giao thông và hạ tầng dọc tuyến đảm bảo phù hợp, kết nối liên thông với hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông địa phương; các cầu trọng yếu, nút giao chính, cầu vượt sông, đồng thời thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư các tuyến đường chuyên dùng, nhằm giải quyết các điểm nghẽn về giao thông và đảm bảo an toàn, kết nối giao thông thuận lợi, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng thông tin và truyền thông, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin.

+ Phát triển cân đối, hài hòa, đồng bộ kết cấu hạ tầng mạng lưới cấp điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các trạm, đường dây 500kV, 220kV, 110kV để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

+ Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi đầu mối có quy mô lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động kiểm soát nguồn nước, đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân. Tăng cường năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, chất thải rắn được thu gom, phân loại tại nguồn và xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Về quốc phòng, an ninh:

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Hà Nam trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị thông minh, hiện đại; là trung tâm hậu cần về công nghiệp, công nghệ cao, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, dịch vụ du lịch, thương mại của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Hà Nam phát triển kinh tế thịnh vượng gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng chủ đạo là thông minh, sáng tạo, xanh, sạch, bền vững với các trụ cột tăng trưởng có trình độ phát triển cao và trở thành động lực phát triển quan trọng của Vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ, du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái, thể dục thể thao. Môi trường xã hội tỉnh Hà Nam văn minh, hiện đại, dân chủ, con người Hà Nam phát triển toàn diện. Chính trị, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

4. Các đột phá phát triển và nhiệm vụ trọng tâm

a) Các đột phá phát triển của tỉnh

- Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nhất là về hạ tầng giao thông và hạ tầng số.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số và phát triển xã hội số, kinh tế số.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với phát huy bản sắc văn hóa, con người Hà Nam.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo điều hành, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, quy hoạch để phát triển tỉnh toàn diện, đồng bộ, phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu Đại học Nam Cao để trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Vùng đồng bằng sông Hồng.

- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số để tăng năng suất, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng, hiệu quả hoạt động và dịch vụ hỗ trợ của các khu, cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển các đô thị và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ, bền vững.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai. Xây dựng Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng và Quần thể văn hóa, thiên nhiên Tam Chúc trở thành di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, kết hợp các hoạt động xúc tiến thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn FDI, ODA theo hướng chọn lọc; ưu tiên thu hút các dự án công nghệ hiện đại, tiên tiến, giá trị gia tăng cao, các dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

- Giai đoạn 2021 - 2025: Phát triển công nghiệp - công nghệ cao - đô thị - dịch vụ du lịch thương mại.

- Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Phát triển đô thị - công nghiệp - công nghệ cao - dịch vụ du lịch thương mại.

a) Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, sản xuất, lắp ráp ô tô... Tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Phát triển công nghệ cao, trọng tâm là hoàn thành và thu hút đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao Hà Nam, tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới.

c) Khai thác và phát huy hiệu quả tài nguyên du lịch; tập trung phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với du lịch tâm linh, vui chơi giải trí, thể thao, đưa Hà Nam trở thành điểm đến thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, đặc biệt tập trung phát triển Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

d) Mở rộng không gian đô thị, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng khung đô thị, tạo động lực phát triển thương mại, dịch vụ và logistics; phát triển đô thị theo hướng bền vững, văn minh hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

đ) Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, sản xuất an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tăng nhanh đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế. Chủ động tìm kiếm công nghệ mới, hợp tác chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

- Đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn hướng đến xây dựng chính quyền số, góp phần tạo nền tảng để phát triển kinh tế số.

Thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng Khu Công nghệ cao Hà Nam tại huyện Lý Nhân; hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư phát triển Khu Đại học Nam Cao tại thành phố Phủ Lý và thị xã Duy Tiên.

- Khuyến khích xây dựng, phát triển các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tiến tới hình thành và phát triển bền vững hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

b) Thương mại dịch vụ

- Đẩy mạnh phát triển ngành thương mại dịch vụ cùng với công nghiệp - công nghệ cao là động lực chính đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp FDI, tập đoàn phân phối lớn liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh để xây dựng, phát triển hệ thống phân phối hiện đại và mở rộng thị trường.

- Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại phù hợp với từng địa bàn đô thị và nông thôn, tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

c) Văn hóa, thể thao

- Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng và quảng bá văn hóa, con người Hà Nam nghĩa tình, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và khát vọng khởi nghiệp.

- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu; kế thừa và phát huy truyền thống, giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc; gắn kết phát triển văn hóa, thể thao với phát triển du lịch; phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian.

- Xây dựng môi trường văn hóa số, ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số.

- Phát triển thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần; chú trọng phát triển phong trào thể dục, thể thao trường học, quần chúng; đầu tư, đào tạo, bồi dưỡng có chọn lọc các môn thể thao thành tích cao. Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh thu hút đầu tư các cơ sở đào tạo, luyện tập thể thao tại các huyện, thị xã, thành phố.

d) Giáo dục và đào tạo

- Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ; có cơ cấu và phương thức hợp lý. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, thu hút các nguồn lực xã hội hóa cho phát triển giáo dục và đào tạo; đảm bảo dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, thực học, thực nghiệp, khuyến học, khuyến tài; xây dựng xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu học tập của nhân dân.

- Tiếp tục sắp xếp các cơ sở đào tạo phù hợp với chủ trương nâng cao chất lượng đào tạo, xã hội hóa đào tạo nhân lực, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý cả về trình độ và ngành nghề đào tạo.

đ) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Hà Nam theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đáp ứng nhu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nâng cao năng lực chủ động phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới toàn diện hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ và bền vững, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và công tác dự phòng. Khuyến khích các thành phần y tế ngoài công lập cùng tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

e) An sinh xã hội

- Thực hiện tốt các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm, ưu tiên hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề cho thanh niên lập nghiệp; giải quyết các vấn đề về lao động, người có công đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; mọi người dân đều được thụ hưởng từ các thành quả của phát triển. Xác định đầu tư cho lao động, giáo dục nghề nghiệp, giảm nghèo và an sinh xã hội là đầu tư cho phát triển.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho tất cả các đối tượng.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Các tiểu vùng kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế, xã hội theo 03 vùng:

- Vùng đô thị trung tâm - dịch vụ chất lượng cao - công nghiệp công nghệ cao - đào tạo nguồn nhân lực: gồm toàn bộ thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên và một phần huyện Thanh Liêm.

- Vùng đô thị - sinh thái - công nghiệp *(phía Tây)*: Là khu vực phía Tây sông Đáy phần lớn thuộc địa bàn huyện Kim Bảng và khu vực phía Tây sông Đáy của huyện Thanh Liêm *(định hướng dài hạn khi các khu vực khai thác khoáng sản được cải tạo phục hồi môi trường, chuyển đổi sang phát triển theo hướng sinh thái bền vững)*.

- Vùng cảnh quan nông nghiệp - công nghiệp, công nghệ cao: Là khu vực phía Đông và phía Nam của tỉnh, chủ yếu thuộc địa bàn các huyện Lý Nhân, Bình Lục và một phần huyện Thanh Liêm.

b) Các hành lang phát triển kinh tế chủ yếu của tỉnh Hà Nam gồm:

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: chạy dọc theo đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình và Quốc lộ 1 với chức năng chính là phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, logistics.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây: hình thành theo tuyến đường vành đai 5, Thủ đô Hà Nội với chức năng chính là phát triển du lịch, đô thị, công nghiệp, dịch vụ, logistics, kinh tế nông nghiệp.

Hình thành các vùng đệm về phát triển môi trường, sinh thái bên cạnh các trung tâm phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ chính của tỉnh với mục tiêu ưu tiên phát triển có trọng tâm, trọng điểm đồng thời có không gian dự trữ cho thế hệ tương lai.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

a) Giai đoạn 2023 - 2025

- Đối với đơn vị hành chính cấp huyện: tỉnh Hà Nam không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn

+ Thành phố Phủ Lý dự kiến sắp xếp: sáp nhập xã Tiên Hiệp với xã Tiên Tân thành lập 01 phường mới; sáp nhập xã Tiên Hải với phường Lam Hạ thành lập 01 phường mới; sáp nhập 04 phường Minh Khai, Lương Khánh Thiện, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo thành 01 phường mới; sáp nhập xã Liêm Tuyền với xã Liêm Tiết thành lập 01 phường mới; sáp nhập xã Liêm Chung với phường Liêm Chính thành lập 01 phường mới.

+ Thị xã Duy Tiên dự kiến sắp xếp: sáp nhập xã Mộc Bắc và xã Mộc Nam thành 01 xã mới.

+ Huyện Kim Bảng dự kiến sắp xếp: sáp nhập xã Nhật Tựu với xã Nhật Tân thành lập 01 phường mới.

+ Huyện Bình Lục dự kiến sắp xếp: sáp nhập xã Bối Cầu với xã Hưng Công và xã An Nội thành 01 xã mới.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và

quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định và một số đơn vị hành chính cấp xã theo yêu cầu thành lập đơn vị hành chính đô thị.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, các khu đô thị, khu nhà ở đồng bộ; đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững, phát triển đô thị Hà Nam theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, hiện đại, nằm trong chuỗi đô thị động lực với vai trò chia sẻ, hợp tác, liên kết các chức năng trong Vùng Thủ đô và Vùng đồng bằng sông Hồng.

Đến năm 2030, tỉnh Hà Nam có 09 đô thị, gồm:

- Phấn đấu thành phố Phủ Lý đạt tiêu chí đô thị loại I, trong đó tập trung xây dựng phát triển đô thị Bắc Châu Giang là đô thị xanh, thông minh, có hạ tầng hiện đại, hạt nhân phát triển của thành phố Phủ Lý và đồng thời là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh.

- Thị xã Duy Tiên là đô thị loại III tiến tới thành lập thành phố Duy Tiên.

- Huyện Kim Bảng là thị xã, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các đô thị loại V *(Phố Cà, Nhân Mỹ, Hòa Hậu, Thái Hà)* làm tiền đề xây dựng 02 đô thị loại IV cấp tỉnh: đô thị Thanh Liêm, đô thị Lý Nhân *(tiến tới thành lập thị xã)*.

- Xây dựng 02 đô thị loại IV thuộc huyện Bình Lục: thị trấn Bình Mỹ *(mở rộng theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã)*, đô thị Chợ Sông *(thành lập thị trấn)*.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển các đô thị loại V *(An Lão, Tiêu Động)* hướng tới phát triển và nâng cấp đô thị trên địa bàn huyện Bình Lục.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Tổ chức, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn bảo đảm phát triển bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

- Mở rộng, xây dựng mới các khu dân cư nông thôn phải bảo đảm đồng bộ các hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội, giáo dục, y tế, nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn.

b) Phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Hoạch định mạng lưới điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện hoặc liên huyện theo mô hình nông thôn mới trên cơ sở tổ chức lại các điểm dân cư hiện hữu, phát huy tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế sử dụng đất canh tác. Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của mỗi vùng, khu vực; cải tạo chỉnh trang, xây dựng mới khu dân cư gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, phong tục tập quán, văn hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển Khu Công nghệ cao Hà Nam

Đẩy nhanh tiến độ các thủ tục, triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Hà Nam có quy mô khoảng 663 ha tại huyện Lý Nhân; tập trung thu hút đầu tư vào các phân khu chức năng của Khu Công nghệ cao với trọng tâm là các dự án thuộc lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới,... đáp ứng yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Quy hoạch các khu công nghiệp gắn với vùng đô thị, dịch vụ với định hướng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường.

Nâng cao chất lượng hạ tầng, dịch vụ và hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp đã lấp đầy trên 95% *(Đồng Văn I, Đồng Văn II, Đồng Văn III, Đồng Văn IV, Hòa Mạc, Châu Sơn, Thanh Liêm, Thái Hà giai đoạn I)*, đẩy mạnh thu hút đầu tư để lấp đầy 02 khu công nghiệp đã có chủ trương đầu tư *(Đồng Văn I mở rộng về phía đông đường cao tốc và Thái Hà giai đoạn II)*.

Xây dựng và thành lập mới 04 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch *(Kim Bảng I, Châu Giang I, Đồng Văn V, Đồng Văn VI)*. Sáp nhập Cụm công nghiệp Châu Giang vào Khu công nghiệp Châu Giang I và Cụm công nghiệp Lê Hồ vào Khu công nghiệp Kim Bảng I khi có đủ các điều kiện theo quy định.

Đến năm 2030, ưu tiên thành lập mới, mở rộng phát triển các khu công nghiệp có vị trí địa lý thuận lợi, khả năng thu hút các nhà đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh gồm: Kim Bảng II, Kim Bảng III, Kim Bảng IV, Thanh Bình I (*Thanh Bình IA, Thanh Bình IB, Thanh Bình IC*), Thanh Bình II, Bình Lục, Thái Hà III. Việc thành lập, mở rộng các khu công nghiệp phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ và quy định pháp luật có liên quan.

Các Khu công nghiệp Châu Giang II, Thái Hà II, Đạo Lý sẽ được thành lập mới tùy theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thực tế của địa phương trong thời kỳ quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp có tính chất đa ngành, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng địa phương. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và tăng tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đã thành lập. Trong đó:

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật 05 cụm công nghiệp theo hiện trạng và giữ nguyên diện tích gồm các cụm công nghiệp: Nam Châu Sơn, Thanh Hải, Cầu Giát, Nhật Tân và Bình Lục.

- Điều chỉnh, mở rộng 03 cụm công nghiệp hiện có: Kim Bình, Thi Sơn và Trung Lương.

- Thành lập mới 14 cụm công nghiệp gồm: Yên Lệnh, Trác Văn, làng nghề Nha Xá, làng nghề Tiên Sơn, Đồng Hóa, Lê Hồ, Thi Sơn I, Đức Lý, Tiến Thắng, Thái Hà, Thanh Liêm I, Thanh Liêm II, Trung Lương 2 và La Sơn.

- Dự kiến sáp nhập Cụm công nghiệp Châu Giang vào Khu công nghiệp Châu Giang I và Cụm công nghiệp Lê Hồ vào Khu công nghiệp Kim Bảng I khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển Khu Đại học Nam Cao

Khu Đại học Nam Cao gồm tổ hợp các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực, cơ sở giáo dục, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, là một bộ phận của mạng lưới trường đại học, cao đẳng, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Vùng đồng bằng sông Hồng. Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng xã hội để kêu gọi, thu hút các trường đại học, các viện nghiên cứu xây dựng các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và giảng dạy đạt trình độ tiên tiến và từng bước hội nhập quốc tế.

Xây dựng các cơ chế chính sách để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Khu Đại học Nam Cao.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để quy hoạch và triển khai xây dựng đồng bộ hiệu quả các dự án phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập như thư viện, nhà thi đấu, ký túc xá,... Tăng cường kết nối các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học trong Khu Đại học Nam Cao với các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ cao,... để hình thành các vườn ươm công nghệ, phòng thí nghiệm công nghệ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

5. Phương án phát triển hệ thống các khu du lịch, nghỉ dưỡng, sân gôn

a) Quần thể danh lam thắng cảnh Tam Chúc, huyện Kim Bảng

Quy hoạch phát triển Quần thể danh lam thắng cảnh Tam Chúc *(cùng với Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng)* trở thành di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, điểm nhấn về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đầu tư hoàn thiện Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc theo các quy hoạch tổng thể phát triển và quy hoạch chung xây dựng Khu Du lịch quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc được quy hoạch thành 06 phân khu, có các chức năng chính:

- Phân khu 1 *(Khu trung tâm đón tiếp)*: là nơi đón tiếp và cung cấp thông tin cho khách du lịch về dịch vụ nghỉ dưỡng, mua sắm, thưởng thức ẩm thực, tham quan, tham gia các hoạt động biểu diễn văn hóa văn nghệ, hội chợ, hoạt động vui chơi giải trí.

- Phân khu 2 *(Khu văn hóa tâm linh)*: tham quan, hành hương, thực hành tín ngưỡng và chiêm bái các công trình tôn giáo; tìm hiểu về đạo phật, tổ chức các khóa học về phật giáo; quy hoạch xây dựng công trình văn hóa và một số mô hình khu dịch vụ, dân cư theo phong cách đồng bằng Bắc Bộ để tổ chức dịch vụ du lịch, thăm quan các hoạt động, sự kiện văn hóa nghệ thuật, truyền thống của dân tộc.

- Phân khu 3 *(Khu bảo tồn tự nhiên Quền Vồng và hồ Tam Chúc)*: tham quan nghiên cứu hệ sinh thái tự nhiên và động vật đặc hữu, tham quan hồ Tam Chúc, các công trình tôn giáo, tham quan các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, ẩm thực, tham dự các lễ hội, dịch vụ thương mại phục vụ du lịch sinh thái, du lịch khám phá.

- Phân khu 4 *(Khu văn hóa bản địa và du lịch cộng đồng Tam Chúc)*: nghỉ dưỡng, điều dưỡng dài ngày phục hồi thể lực, tham gia các liệu trình chăm sóc sức khỏe đặc biệt, tìm hiểu đời sống, phong tục tập quán của cư dân địa phương, nghỉ dưỡng và sinh hoạt cộng đồng *(homestay)*, dịch vụ thương mại phục vụ hoạt động tín ngưỡng, du lịch thể thao.

- Phân khu 5 *(Khu sân gôn Kim Bảng và hồ Ba Hang)*: tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc gia và khu vực, tổ chức hội nghị hội thảo, nghỉ dưỡng, chơi gôn, tham gia các hoạt động thể thao ngoài trời; quy hoạch, tổ chức lại một số khu dân cư phục vụ các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng.

- Phân khu 6 *(Trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khu du lịch)*: quy hoạch xây dựng: công viên bách thảo, công viên chuyên đề, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, khu thương mại. Chức năng chính: là trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ cho các hoạt động Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc, cung cấp các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch giải trí; du lịch mạo hiểm, du lịch mua sắm, du lịch ẩm thực; quy hoạch, chỉnh trang các khu dân cư có kiến trúc cảnh quan đồng bộ, hài hòa với thiên nhiên để phục vụ du lịch, tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn hóa và sinh hoạt cộng đồng.

b) Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng

Thành lập Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng nhằm bảo tồn các hệ sinh thái rừng, trong đó trên 90% diện tích rừng thường xanh; bảo tồn và phát triển các loài động thực vật quý hiếm trong đó có quần thể loài Voọc mông trắng.

c) Khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí và sân gôn

Quy hoạch và thu hút đầu tư xây dựng các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, công viên sinh thái, công viên chuyên đề, các khu du lịch nghỉ dưỡng tầm cỡ quốc gia tại thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên, huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm.

Đầu tư, nâng cấp 02 Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn hiện có tại huyện Kim Bảng. Thu hút đầu tư xây dựng mới Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn đồi Hoa Sen tại huyện Kim Bảng và Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn đồi Con Phượng tại huyện Thanh Liêm.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

6. Phương án tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với điều kiện đặc điểm tự nhiên, sinh thái; hình thành các vùng trồng trọt tập trung, trọng tâm là vùng sản xuất lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao tập trung tại các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm và Kim Bảng.

- Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung theo hình thức trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, tập trung vào chăn nuôi lợn, bò thịt, bò sữa, dê và gia cầm.

- Phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã ven sông Hồng, sông Đáy, sông Châu Giang và các vùng chuyển đổi ruộng trũng sang nuôi trồng thủy sản hiện có.

- Hình thành và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện Thanh Liêm, Lý Nhân và Bình Lục.

7. Phương án phát triển các khu bảo tồn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh

Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa phục vụ cho việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng của quê hương, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của nhân dân, tạo nền tảng để phát triển du lịch bền vững.

Quảng bá, giới thiệu bản sắc văn hóa, con người Hà Nam với bạn bè trong nước và quốc tế.

8. Phương án phát triển khu quân sự, khu an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích các khu đất quốc phòng, an ninh được bố trí, sử dụng theo chỉ tiêu được phân bổ và theo yêu cầu bảo đảm quốc phòng an ninh của địa phương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Giao thông cấp quốc gia

Bám sát định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội, định hướng phát triển Vùng đồng bằng sông Hồng để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng; đồng thời quy hoạch hệ thống đường gom, đường song hành, nút giao thông và hạ tầng dọc tuyến đảm bảo phù hợp, kết nối liên thông với hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông địa phương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đề xuất và tiến tới xóa bỏ tuyến đường sắt chuyên dùng Phủ Lý - Kiện Khê - Bút Sơn dài 8,2 km.

b) Giao thông cấp tỉnh

- Đường bộ: Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường bộ gồm: các tuyến đường tỉnh, các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã, giao thông nông thôn theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cầu trọng yếu, nút giao chính, cầu vượt; đầu tư hoàn thiện các tuyến đường chuyên dùng, giải quyết các điểm nghẽn về giao thông và đảm bảo an toàn, kết nối giao thông thuận lợi, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe, bến xe trên địa bàn tỉnh, phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, công viên cây xanh.

- Đường thủy: Cải tạo nâng cấp, thay thế hệ thống các đập thành cầu trên sông Châu, nhằm làm sống lại dòng sông, điều tiết nước cho sông Đáy, sông Nhuệ, cải tạo môi trường chất lượng nước cho khu vực; hình thành tuyến đường vận tải đường thủy mang tính chiến lược kết nối Hà Nam - Hà Nội, Hà Nam - Hải Phòng.

Nâng cấp, cải tạo, nạo vét luồng lạch, duy trì hoạt động hệ thống sông địa phương đạt từ cấp V, cấp VI trở lên: sông Nhuệ, sông Sắt, sông Nông Giang. Riêng tuyến sông Châu Giang thực hiện nạo vét, mở rộng sông, từng bước xây dựng hệ thống kè, nghiên cứu phương án cải tạo âu Tắc Giang, khắc phục các điểm nghẽn về tĩnh không nhằm đảm bảo mục tiêu kết nối sông Châu Giang với sông Hồng thành tuyến vận tải thủy; trong đó, đoạn từ thành phố Phủ Lý đến huyện Lý Nhân đạt cấp IV, các đoạn còn lại đạt cấp VI, cấp V trở lên.

c) Trung tâm logistics, cảng cạn, cảng thủy nội địa

- Quy hoạch 01 trung tâm logistics cấp vùng, cảng cạn tại huyện Bình Lục.

- Quy hoạch 01 trung tâm logistics cấp tỉnh, cảng cạn khu vực gắn với cụm cảng Yên Lệnh tại thị xã Duy Tiên liên kết với các khu công nghiệp trong khu vực.

- Quy hoạch 01 cảng cạn: Tân cảng Hà Nam tại thị xã Duy Tiên.

- Quy hoạch các cảng thủy nội địa trên hệ thống sông Hồng, sông Đáy.

(Chi tiết tại các Phụ lục VI, VII, VIII và IX)

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

a) Nguồn điện

- Phát triển nguồn điện: thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 *(Quy hoạch Điện VIII)*.

- Khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu *(điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào lưới điện quốc gia)*; các dự án điện sinh khối; phát triển các dự án điện rác, công trình điện khí Biogas.

b) Đường dây và trạm biến áp

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các trạm, đường dây 500kV, 220kV, 110kV để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân:

- Lưới điện 500kV: hoàn thiện đường dây mạch kép 500kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín.

- Lưới điện 220kV: xây dựng mới 02 trạm biến áp (*TBA 220kV Lý Nhân và TBA 220kV Đồng Văn*); xây dựng mới, cải tạo một mạch thành hai mạch của 02 tuyến đường dây; xây dựng mới 04 tuyến đường dây.

- Lưới điện 110kV: nâng công suất 10 trạm biến áp; xây dựng mới 26 trạm biến áp; xây dựng mới 36 tuyến đường dây; cải tạo và nâng tiết diện dây dẫn cho 18 tuyến đường dây. Từng bước thực hiện ngầm hóa đường dây 110kV và mạng lưới điện trung, hạ thế phù hợp với tình hình yêu cầu thực tế, cảnh quan, không gian đô thị, yêu cầu của các hạ tầng kỹ thuật liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

- Phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng phát triển hạ tầng băng rộng có dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt. Phát triển mạng cáp viễn thông theo hướng cáp quang hóa, ngầm hóa, tăng cường sử dụng chung hạ tầng, triển khai đồng bộ với hạ tầng các ngành giao thông, xây dựng, điện, nước. Hạ tầng viễn thông chuyển đổi thành hạ tầng số, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; xây dựng, phát triển các nền tảng dữ liệu dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan. Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật *(IoT)*. Đến năm 2030, phấn đấu Hà Nam nằm trong nhóm các địa phương có chỉ số cao về chuyển đổi số.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phát triển mạng lưới cấp nước

- Tiếp tục sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng và sông Đáy đoạn từ xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng đến ranh giới hành chính giữa huyện Kim Bảng và thành phố Phủ Lý cho nhu cầu cấp nước của tỉnh. Bổ sung nguồn nước mặt dự trữ tại

hồ Tam Chúc; hạn chế và từng bước tiến tới không sử dụng nguồn nước ngầm tại các khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước mặt; đảm bảo an toàn nguồn nước ngầm tại khu vực phía Tây sông Đáy huyện Thanh Liêm, Kim Bảng tạo nguồn dự phòng chiến lược trong trường hợp xảy ra sự cố về nguồn nước mặt và biến đổi khí hậu.

- Nâng công suất các nhà máy nước liên huyện hiện hữu và xây dựng mới các nhà máy nước liên huyện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân. Xây dựng hệ thống đường ống truyền tải theo các trục giao thông chính kết nối các nhà máy nước và các vùng cấp nước đảm bảo an toàn cấp nước.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

b) Phát triển mạng lưới thủy lợi

- Cải tạo, nâng cấp, bổ sung hệ thống công trình thủy lợi hiện có để đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh theo 03 khu vực thủy lợi gồm: khu vực tả Đáy - Bắc Châu Giang; khu vực Tả Đáy - Nam Châu Giang và khu vực Hữu Đáy.

- Huy động các nguồn lực, ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi có quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, triển khai các chương trình, đề án cơ cấu lại kinh tế nông, lâm nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nước thải

- Từng bước triển khai hoạt động thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Ưu tiên các nhà máy sử dụng công nghệ ít phát thải tro xỉ, sử dụng công nghệ xử lý kết hợp phát điện nhằm phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà máy xi măng tham gia vào hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường, rác thải nguy hại theo hướng kinh tế tuần hoàn. Đối với các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường theo công nghệ lạc hậu không thực hiện mở rộng, nâng công suất.

- Hoàn thiện hạ tầng xử lý chất thải cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, nâng cấp, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tại các khu đô thị, các khu dân cư tập trung, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất, nơi ở, làm việc của cán bộ chiến sỹ Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác, chiến đấu; quy hoạch và phát triển mạng lưới cơ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo Quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng hệ thống giao thông đảm bảo cho các phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu hộ hoạt động theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành.

- Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và Trung ương.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế

Củng cố, phát triển quy mô các cơ sở y tế tuyến tỉnh chuyên sâu, hiện đại; y tế tuyến huyện mang tính đa khoa, hiện đại và chuyên sâu ở một số lĩnh vực.

Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống.

+ Tuyến Trung ương: hoàn thiện đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động hiệu quả Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức cơ sở 2; Bệnh viện Lão khoa cơ sở 2 *(theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)*.

+ Tuyến tỉnh: đầu tư xây dựng, nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh.

+ Tuyến huyện: đầu tư xây dựng, nâng cấp các trung tâm y tế tuyến huyện và bệnh viện đa khoa khu vực.

- Khuyến khích phát triển mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân; khuyến khích phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới.

- Chuẩn hóa và tích hợp hệ thống thông tin y tế đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tích hợp các bệnh án, sổ khám bệnh điện tử, liên thông phần mềm và cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa, các trung tâm nghiên cứu và trung tâm y tế phục vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp các cấp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa, tiên tiến, hiện đại.

- Đảm bảo diện tích đất phục vụ các hoạt động giáo dục và đào tạo theo các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Duy trì, phát huy vai trò của các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên nhằm hỗ trợ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân trên địa bàn.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, khu nghiên cứu, đào tạo đến năm 2030 đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo.

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học trong nước, các trường đại học quốc tế, cơ sở giáo dục đầu tư vào Khu Đại học Nam Cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

3. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp quy mô các cơ sở chăm sóc người có công, cơ sở an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và Điều dưỡng người có công tỉnh; nâng cấp và mở rộng Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh Duy Tiên; di chuyển Trung tâm điều dưỡng thương binh Kim Bảng về thị xã Duy Tiên để đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất đảm bảo các điều kiện tốt nhất chăm sóc thương bệnh binh.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội; phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 01 cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho người cao tuổi.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, xếp hạng cấp quốc gia.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng các giá trị văn hóa, thể thao của người dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng các công trình, hoạt động văn hóa, thể thao.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Khuyến khích đầu tư phát triển các trung tâm thương mại để phục vụ nhu cầu của người dân, thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng mới trung tâm thương mại cấp Vùng Thủ đô Hà Nội tại thành phố Phủ Lý.

- Duy trì hệ thống kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, trạm nạp LPG vào xe bồn và trạm nạp LPG.

6. Phương án phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ

Tập trung nguồn lực xây dựng, thu hút đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh bao gồm: Khu Công nghệ cao Hà Nam tại huyện Lý Nhân, Khu Đại học

Nam Cao tại thành phố Phủ Lý và thị xã Duy Tiên, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học, công nghệ theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong thời kỳ 2021 - 2030, thực hiện chuyển đổi sử dụng các loại đất để đảm bảo mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện trung tâm *(thành phố Phủ Lý - thị xã Duy Tiên - huyện Kim Bảng)*: là vùng động lực trung tâm của tỉnh Hà Nam, trọng tâm là phát triển công nghiệp - đô thị và phát triển dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục đào tạo,...

- Vùng liên huyện Thanh Liêm - Bình Lục - Lý Nhân: là vùng phát triển công nghiệp, công nghệ cao, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp,...

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng huyện Bình Lục: là huyện trọng điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của tỉnh. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực đô thị - thương mại - dịch vụ và xây dựng nông thôn mới theo hướng bản sắc bền vững; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đóng vai trò cực phát triển phía Đông Nam của tỉnh; khai thác hiệu quả thế mạnh về nông nghiệp - công nghiệp tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống và đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang công nghiệp - dịch vụ đô thị - nông nghiệp; phát triển vùng nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường; phát triển du lịch xanh, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch làng nghề truyền thống.

- Vùng huyện Thanh Liêm: là một trong những khu vực phát triển công nghiệp, vật liệu xây dựng và công nghiệp đa ngành quan trọng của tỉnh; là trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao gắn với đầu mối giao thông phía Nam của tỉnh và phía Nam Vùng đồng bằng sông Hồng; phấn đấu trước năm 2030 trở thành đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, tiến tới thành lập thị xã.

- Vùng huyện Lý Nhân: là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội quan trọng phía Đông của tỉnh, gắn với các công trình đầu mối giao thông, Khu Công nghệ cao Hà Nam và các khu công nghiệp tập trung trong Vùng Thủ đô, Vùng đồng bằng sông Hồng. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực công nghiệp, công nghệ cao, dịch vụ, đô thị; phấn đấu trước năm 2030 trở thành đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, tiến tới thành lập thị xã.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Hà Nam theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm: Các khu dân cư nội thành, nội thị của thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên, đô thị Kim Bảng; nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu vực bảo vệ I của các di tích lịch sử, văn hóa của Hà Nam như: di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích, cụm di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh; Quần thể danh lam thắng cảnh Tam Chúc và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng với định hướng phát triển thành di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; các khu dân cư nội thị, khu vực trung tâm của các đô thị loại IV, loại V trên địa bàn tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của môi trường khác cần bảo vệ như: khu sản xuất lâm nghiệp, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu bảo vệ nguồn lợi

thủy sản, nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản; khu vực hồ, ao, đầm thuộc danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam; tiểu vùng phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch sinh thái; các khu vực bảo vệ II các di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích, cụm di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Vùng bảo vệ khác: Bao gồm tất cả các vùng còn lại trên địa bàn toàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Khu bảo tồn: Đến năm 2025, thành lập Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng tại huyện Kim Bảng.

- Khu bảo vệ cảnh quan: Quy hoạch khu cảnh quan hệ sinh thái hồ Tam Chúc; các khu di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan và du lịch có giá trị bảo tồn văn hóa cao.

- Quy hoạch phát triển các hệ sinh thái tự nhiên gồm hệ sinh thái trên cạn có đặc tính đa dạng sinh học cao, hệ sinh thái đất ngập nước.

c) Về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu, di dời các nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục. Xây dựng các khu lưu tro, nhà tang lễ gắn liền với cơ sở nghĩa trang trên địa bàn thành phố, thị xã, các huyện nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

d) Quan trắc môi trường đất, nước, không khí

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, quan trắc môi trường nước và không khí.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

đ) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất để tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, đồng thời khai thác hiệu quả các giá trị về bảo tồn đa dạng sinh học, dịch vụ môi trường rừng và các loại dịch vụ khác, phát triển các mô hình nông lâm kết hợp gắn với khai thác rừng bền vững.

- Đối với rừng sản xuất, trồng rừng tại các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, trồng cây phân tán tại vùng đồng bằng, khu công nghiệp và đô thị theo hướng ứng dụng khoa học về giống và kỹ thuật trồng rừng để đem lại hiệu quả kinh tế cao.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Bảo vệ, khai thác, chế biến và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; có lộ trình giảm khai thác khoáng sản theo nhu cầu của địa phương, đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, hết trữ lượng khai thác và cần được bảo vệ phục hồi môi trường, chuyển mục đích sử dụng sang chức năng khác theo hướng xanh, sinh thái. Quy hoạch các mỏ vật liệu xây dựng để phục vụ các dự án trọng điểm theo quy định của pháp luật.

- Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng duy trì công suất hoạt động các nhà máy sản xuất xi măng hiện có; duy trì hoạt động và giảm khai thác vật liệu xây dựng thông thường.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Cấp nước cho sinh hoạt, (2) Cấp nước cho công nghiệp, (3) Cấp nước cho du lịch, dịch vụ, (4) Cấp nước cho nông nghiệp, (5) Cấp nước cho thủy sản, (6) Nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, cung cấp các thông tin, số liệu cho xây dựng các kế hoạch sử dụng nước nhằm chủ động nguồn nước đối với các ngành, lĩnh vực. Tăng cường các biện pháp khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, tuần hoàn sử dụng nước nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán thiếu nước vào mùa khô; thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải

vào nguồn nước, cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán; xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu, giám sát tài nguyên nước; chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu nguồn nước với các Bộ, ngành, địa phương.

- Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác, sử dụng nước đối với các nguồn nước đã và đang có nguy cơ bị suy thoái, cạn kiệt; các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; giám sát chặt chẽ các chất thải ra môi trường.

- Khuyến khích thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội hóa để phục hồi các dòng sông, các nguồn nước đã và đang có nguy cơ bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Nâng cao năng lực ứng phó tác động biến đổi khí hậu và các rủi ro khác liên quan đến nước: Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng hỗ trợ phòng, chống thiên tai kết hợp phục hồi không gian cho sông, bảo tồn cảnh quan, môi trường tự nhiên; xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống phòng, chống lũ quét, sạt lở đất theo tần suất thiết kế, hệ thống đê sông đáp ứng được yêu cầu chống chịu mưa, lũ lớn, dài ngày kết hợp với các giải pháp khác chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai bất lợi; rà soát bố trí lại dân cư tránh nơi xung yếu có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở bờ. Tăng cường công tác lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, quản lý lòng bờ bãi sông theo quy định của pháp luật.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Xác định các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao trên địa bàn tỉnh, gồm: khu vực dễ bị tổn thương do lũ; khu vực rủi ro do sạt lở; khu vực rủi ro do dông lốc, sét; khu vực rủi ro do mưa lớn; khu vực rủi ro do hạn hán; khu vực rủi ro do nắng nóng; khu vực rủi ro cháy rừng do tự nhiên.

b) Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, từng bước xây dựng nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh, đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính; thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thích ứng biến đổi khí hậu của các tổ chức cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Mức đảm bảo phòng, chống lũ:

+ Tuyến sông Hồng: đến năm 2030 đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 300 năm *(tần suất 0,33%)*; tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 500 năm *(tần suất 0,2%)*;

+ Tuyến sông Đáy: đến năm 2030 đảm bảo chống lũ với lũ nội tại của hệ thống sông Đáy tần suất 2%, đồng thời chống được lũ trong trường hợp chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng 2.500m^3/s; tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chống lũ với lũ nội tại của hệ thống sông Đáy tần suất 2%, đồng thời chống được lũ trong trường hợp chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng 2.500m^3/s;

+ Tuyến sông Nhuệ và sông Châu Giang: đến năm 2030 đảm bảo chống lũ với tần suất 8%; tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chống lũ với tần suất 5%;

+ Tuyến sông Duy Tiên: đến năm 2030 đảm bảo chống lũ với tần suất 10%; tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chống lũ với tần suất 8%.

- Quản lý, sử dụng bãi sông bảo đảm tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Quan tâm đầu tư, nâng cấp tu bổ hệ thống đê sông, đê bối hiện có, nâng cấp đê kết hợp giao thông; xây dựng, nâng cấp hạ tầng và trang thiết bị quản lý, bảo vệ đê điều, phòng chống thiên tai. Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê điều, chỉ giới các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, các khu vực bãi sông được phép nghiên cứu xây dựng. Xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp trên địa bàn trong trường hợp lũ vượt tần suất thiết kế; thực hiện di dời các công trình, nhà ở theo quy hoạch, giải tỏa vật cản ảnh hưởng thoát lũ; tổ chức quản lý và hộ đê; tổ chức cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng chống lụt bão.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư *(PPP)* và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện các chương trình, dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng, chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp; triển khai đào tạo nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng; hỗ trợ đào tạo doanh nhân; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

3. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và bảo vệ môi trường

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, phát triển nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; hỗ trợ tạo lập và phát triển quyền sở hữu công nghiệp.

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các cấp, ngành, các địa phương; đầu tư nâng cao năng lực giám sát môi trường; xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu xử lý chất thải, nước thải tập trung.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp liên kết Vùng đồng bằng sông Hồng tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; đồng thời, mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

Tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, các Đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt chẽ quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển mục đích sử dụng một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng theo đúng quy định pháp luật để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội; đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo hướng chuyển đổi số; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất.

6. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

- Thực hiện hiệu quả việc tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chính quyền điện tử; thực hiện công khai, minh bạch hóa thông tin, hoạt động quản lý, điều hành trên môi trường mạng; áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền.

- Xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực hiện công khai, minh bạch hóa thông tin, hoạt động quản lý, điều hành trên môi trường mạng.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Quyết liệt thực hiện các biện pháp cải thiện các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền: Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh *(PAR INDEX)*, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh *(PCI)*, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh *(PAPI)* và các bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động khác.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Giải pháp thực hiện công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện gắn với quy hoạch lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất với địa phương; kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ tỉnh. Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; đặc biệt là việc sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các điểm đất, công trình quốc phòng - an ninh. Thẩm định đánh giá tác động, ảnh hưởng của các dự án đầu tư vào địa bàn đến nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo đảm chặt chẽ, khách quan, toàn diện. Triển khai xây dựng quy hoạch, thường xuyên cập nhật và cụ thể hóa nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm để các cấp, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt.

8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình,

kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch nêu tại Phụ lục đính kèm Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch;

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, khai thác sử dụng tài nguyên, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh;

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong trường hợp có mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan *(nếu có)*, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bản án *(nếu có)* thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án *(nếu có)* và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại văn bản số 2416/UBND-TH ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

5. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị *		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030	
A	**Đô thị cấp tỉnh**			
1	**Thành phố Phủ Lý**	II	Phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại I	
2	**Thị xã Duy Tiên**	IV	III (*hướng tới thành lập thành phố*)	
3	**Đô thị Kim Bảng**		Cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III	Đạt tiêu chí đô thị loại IV, thành lập thị xã trước năm 2025
3.1	Thị trấn Quế	V		
3.2	Thị trấn Ba Sao	V		
3.3	Đô thị Nhật Tân	V		
3.4	Đô thị Tượng Lĩnh	V		
B	**Đô thị cấp huyện**			
4	**Huyện Thanh Liêm**		IV (*hướng tới thành lập thị xã*)	
4.1	Thị trấn Tân Thanh	V		
4.2	Thị trấn Kiện Khê	V		
4.3	Đô thị Phố Cà (MR)	V		
5	**Huyện Lý Nhân**		IV (*hướng tới thành lập thị xã*)	
5.1	Thị trấn Vĩnh Trụ	V		
5.2	Đô thị Hòa Hậu (đô thị Nhân Hậu MR)	V		Mở rộng đô thị Nhân Hậu thành đô thị Hòa Hậu
5.3	Đô thị Nhân Mỹ (MR)	V		
5.4	Đô thị Thái Hà			Đạt tiêu chí đô thị loại V
6	**Huyện Bình Lục**			
6.1	Thị trấn Bình Mỹ (MR)	V	IV	Mở rộng theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị *		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030	
6.2	Đô thị Tiêu Động (Ba Hàng)	V	V	
6.3	Đô thị An Lão (Đô Hai)	V	V	
6.4	Đô thị Chợ Sông (đô thị Tràng An MR)	V	IV	Mở rộng đô thị Tràng An thành đô thị Chợ Sông

Ghi chú:

- (*) Thực hiện theo Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- (MR) Đô thị dự kiến mở rộng phạm vi phân loại đô thị hoặc sáp nhập theo quy hoạch chung đô thị được duyệt.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật; thực hiện thành lập đơn vị hành chính đô thị (phường, thị trấn) tại thời điểm phù hợp. Phạm vi cụ thể của các đô thị và khu vực nội thị và khu chức năng trong đô thị sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch cấp dưới.

Phụ lục II
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU NGHIÊN CỨU, KHU ĐÀO TẠO TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Khu công nghệ cao Hà Nam	Huyện Lý Nhân	663	Thành lập trên cơ sở Quyết định số 2098/QĐ-TTg ngày 14/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
2	Khu đại học Nam Cao	Thành phố Phủ Lý; thị xã Duy Tiên	754	Thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 27/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới Khu công nghệ cao Hà Nam sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Triển khai thực hiện Khu công nghệ cao Hà Nam khi tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
A	**Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022**			
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập**		**2.516**	
1	Khu công nghiệp Đồng Văn I	Thị xã Duy Tiên	371	
2	Khu công nghiệp Đồng Văn II	Thị xã Duy Tiên	321	
3	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III	Thị xã Duy Tiên	523	
	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III (*phía Tây đường cao tốc*)	Thị xã Duy Tiên	300	
	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III (*phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình*)	Thị xã Duy Tiên	223	
4	Khu công nghiệp Đồng Văn IV	Huyện Kim Bảng	300	
5	Khu công nghiệp Châu Sơn	Thành phố Phủ Lý và huyện Thanh Liêm	377	
6	Khu công nghiệp Hòa Mạc	Thị xã Duy Tiên	131	
7	Khu công nghiệp Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm và thành phố Phủ Lý	293	
8	Khu công nghiệp Thái Hà	Huyện Lý Nhân	200	Giai đoạn I: 100 ha; Giai đoạn II: 100ha
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**		**2.111**	
9	Khu công nghiệp Đồng Văn V	Thị xã Duy Tiên	250	
10	Khu công nghiệp Đồng Văn VI	Thị xã Duy Tiên	250	
11	Khu công nghiệp Kim Bảng I	Huyện Kim Bảng	305	
	+ Diện tích khu công nghiệp Kim Bảng I theo Văn bản số 16/TTg-CN		230	
	+ Nâng cấp và sáp nhập cụm công nghiệp Lê Hồ 75ha vào khu công nghiệp Kim Bảng I[(1)]		75	
12	Khu công nghiệp Châu Giang I	Thị xã Duy Tiên	250	
	+ Diện tích khu công nghiệp Châu Giang I theo Văn bản số 16/TTg-CN		210	
	+ Nâng cấp và sáp nhập cụm công nghiệp Châu Giang 40ha vào khu công nghiệp Châu Giang I[(1)]		40	

TT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
13	Khu công nghiệp Kim Bảng II	Huyện Kim Bảng	270	
14	Khu công nghiệp Kim Bảng IV	Huyện Kim Bảng	300	
15	Khu công nghiệp Thanh Bình II(2)	Huyện Thanh Liêm	250	
16	Khu công nghiệp Bình Lục (3)	Huyện Bình Lục	236	
	TỔNG SỐ		**4.627**	
B	**Các khu công nghiệp có tiềm năng, dự kiến thành lập trong trường hợp tỉnh Hà Nam được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**			
I	**Các khu công nghiệp thành lập mới**		**1.915**	
1	Khu công nghiệp Thái Hà III	Huyện Lý Nhân	300	
2	Khu công nghiệp Thanh Bình I	Huyện Thanh Liêm	690	
2.1	*Khu công nghiệp Thanh Bình IA*	*Huyện Thanh Liêm*	*230*	
2.2	*Khu công nghiệp Thanh Bình IB*	*Huyện Thanh Liêm*	*230*	
2.3	*Khu công nghiệp Thanh Bình IC*	*Huyện Thanh Liêm*	*230*	
3	Khu công nghiệp Kim Bảng III	Huyện Kim Bảng	300	
4	Khu công nghiệp Châu Giang II	Thị xã Duy Tiên	250	
5	Khu công nghiệp Thái Hà II	Huyện Lý Nhân	175	
6	Khu công nghiệp Đạo Lý	Huyện Lý Nhân.	200	
II	**Các khu công nghiệp mở rộng**		**114**	
7	Mở rộng Khu công nghiệp Thanh Bình II	Huyện Thanh Liêm	50	Mở rộng thêm 50ha, nâng tổng diện tích lên 300ha
8	Mở rộng Khu công nghiệp Bình Lục	Huyện Bình Lục	64	Mở rộng thêm 64ha, nâng tổng diện tích lên 300ha
	TỔNG SỐ		**2.029**	

Ghi chú:

Tên gọi, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

(1) Việc sáp nhập Cụm công nghiệp Châu Giang vào Khu công nghiệp Châu Giang I và Cụm công nghiệp Lê Hồ vào Khu công nghiệp Kim Bảng I khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

(2) Khu công nghiệp Thanh Bình II được quy hoạch 300 ha, giai đoạn I thành lập với diện tích 250 ha theo chỉ tiêu phân bổ đất khu công nghiệp tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và được mở rộng thêm 50 ha khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

(3) Khu công nghiệp Bình Lục được quy hoạch 300 ha, giai đoạn I thành lập với diện tích 236 ha theo chỉ tiêu phân bổ đất khu công nghiệp tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và được mở rộng thêm 64 ha khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Phụ lục IV
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		**1.035,91**	
I	**Các cụm công nghiệp đã thành lập và giữ nguyên diện tích hiện trạng**		**93,64**	
1	Cụm công nghiệp Nam Châu Sơn	Thành phố Phủ Lý	19,0	Hiện trạng lấp đầy 100%
2	Cụm công nghiệp Thanh Hải	Huyện Thanh Liêm	16,5	Hiện trạng lấp đầy 100%
3	Cụm công nghiệp Cầu Giát	Thị xã Duy Tiên	17,04	Hiện trạng lấp đầy 100%
4	Cụm công nghiệp Bình Lục	Huyện Bình Lục	30,6	Hiện trạng lấp đầy 100%
5	Cụm công nghiệp Nhật Tân	Huyện Kim Bảng	10,5	Hiện trạng lấp đầy 100% (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng 10,5 ha; diện tích theo Quyết định thành lập là 17,5 ha*)
II	**Các cụm công nghiệp đã thành lập và điều chỉnh mở rộng diện tích**		**216,27**	
6	Cụm công nghiệp Kim Bình	Thành phố Phủ Lý	73,46	Đã lấp đầy 100% diện tích sử dụng 51,7ha (*Diện tích theo Quyết định thành lập là 56,07ha*); Mở rộng lên 73,46 ha
7	Cụm công nghiệp Thi Sơn	Huyện Kim Bảng	74,1	Đã lấp đầy 100% diện tích sử dụng 49ha (*Diện tích theo Quyết định thành lập là 29,49ha*); Mở rộng lên 74,10 ha
8	Cụm công nghiệp Trung Lương	Huyện Bình Lục	68,71	Đã lấp đầy 100% diện tích sử dụng 10,6ha; Mở rộng lên 68,71 ha
III	**Các Cụm công nghiệp quy hoạch mới giai đoạn 2021 - 2030**		**726**	
9	Cụm công nghiệp Yên Lệnh	Thị xã Duy Tiên	69	Thành lập mới
10	Cụm công nghiệp Trác Văn	Thị xã Duy Tiên	57	Thành lập mới
11	Cụm công nghiệp làng nghề Nha Xá	Thị xã Duy Tiên	10	Thành lập mới

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
12	Cụm công nghiệp làng nghề Tiên Sơn	Thị xã Duy Tiên	10	Thành lập mới
13	Cụm công nghiệp Đồng Hóa	Huyện Kim Bảng	75	Thành lập mới
14	Cụm công nghiệp Thi Sơn I	Huyện Kim Bảng	75	Thành lập mới
15	Cụm công nghiệp Đức Lý	Huyện Lý Nhân	65	Thành lập mới
16	Cụm công nghiệp Tiến Thắng	Huyện Lý Nhân	25	Thành lập mới
17	Cụm công nghiệp Thái Hà	Huyện Lý Nhân	75	Thành lập mới
18	Cụm công nghiệp Thanh Liêm I	Huyện Thanh Liêm	70	Thành lập mới
19	Cụm công nghiệp Thanh Liêm II	Huyện Thanh Liêm	75	Thành lập mới
20	Cụm công nghiệp Trung Lương 2	Huyện Bình Lục	50	Thành lập mới
21	Cụm công nghiệp La Sơn	Huyện Bình Lục	70	Thành lập mới
22	Cụm công nghiệp Lê Hồ (75ha)	Huyện Kim Bảng		Cụm công nghiệp thành lập mới, đã có quyết định thành lập. Định hướng sáp nhập vào khu công nghiệp Kim Bảng I trong thời kỳ Quy hoạch
IV	**Các cụm công nghiệp định hướng sáp nhập vào khu công nghiệp**		115	
1	Cụm công nghiệp Châu Giang	Thị xã Duy Tiên	40	Cụm công nghiệp hiện trạng đã có trong quy hoạch. Sáp nhập vào khu công nghiệp Châu Giang I giai đoạn 2021 - 2025
2	Cụm công nghiệp Lê Hồ	Huyện Kim Bảng	75	Cụm công nghiệp thành lập mới, đã có quyết định thành lập. Định hướng sáp nhập vào khu công nghiệp Kim Bảng I trong thời kỳ Quy hoạch

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Việc sáp nhập Cụm công nghiệp Châu Giang vào Khu công nghiệp Châu Giang I và Cụm công nghiệp Lê Hồ vào Khu công nghiệp Kim Bảng I khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Phụ lục V
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP, NGHỈ DƯỠNG, VUI CHƠI, GIẢI TRÍ, THỂ THAO, SÂN GÔN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	**Các khu dịch vụ tổng hợp hiện trạng**	
1	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn Kim Bảng	Huyện Kim Bảng
2	Sân Gôn 36 hố và khu phụ trợ xã Tượng Lĩnh	Huyện Kim Bảng
II	**Các khu dịch vụ tổng hợp quy hoạch mới**	
1	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn đồi Hoa Sen	Huyện Kim Bảng
2	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn đồi Con Phượng	Huyện Thanh Liêm
3	Các khu du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí	Huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục VI
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các tuyến đường bộ

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Chiều dài dự kiến khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (làn xe)
A	**CAO TỐC, QUỐC LỘ**				
I	**Cao tốc**				
1	Bắc - Nam phía Đông đoạn Cầu Giẽ (*Hà Nội*) - Cao Bồ (Ninh Bình) (*CT.01*)	Km 214+964 (Cầu Giẽ)	Km 243+838 (Quốc lộ 10)	28,9	
	Cầu Giẽ - Phú Thứ				8
	Phú Thứ - Ninh Bình				6
2	Phủ Lý (*Hà Nam*) - Nam Định (*CT.11*)	Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	25	4
3	Đường Vành đai 5, Thủ đô Hà Nội - Đoạn chính tuyến phía Nam (*CT.39*)	Huyện Kim Bảng	Huyện Lý Nhân	35,3	6
4	Hưng Yên - Thái Bình (*CT.16*)	Tỉnh Hưng Yên	Huyện Lý Nhân	4,5	4
II	**Quốc lộ**				
1	Quốc lộ 1	Thị xã Duy Tiên	Huyện Thanh Liêm	35,2	III, 4 làn xe
2	Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý	Thị xã Duy Tiên	Huyện Thanh Liêm	23,8	III, 4 làn xe
3	Quốc lộ 21	Huyện Kim Bảng	Huyện Bình Lục	40,5	III, 2-6 làn xe
4	Quốc lộ 21B	Huyện Kim Bảng	Huyện Bình Lục	44	III, 2-4 làn xe
5	Quốc lộ 37B	Huyện Bình Lục	Thị xã Duy Tiên	32,5	III-IV, 2-4 làn xe
6	Quốc lộ 38	Thị xã Duy Tiên	Huyện Kim Bảng	23,0	III, 2-4 làn xe
7	Quốc lộ 38B	Thị xã Duy Tiên	Huyện Lý Nhân	34,4	III, 2-4 làn xe

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Chiều dài dự kiến khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (làn xe)
8	Quốc lộ 6D	QL21 giáp ranh giữa Hòa Bình - Hà Nam	Huyện Kim Bảng	7,6	IV, 2 làn xe
9	Quốc lộ 21C (Ba Sao - Bái Đính)	Huyện Kim Bảng	Bái Đính, tỉnh Ninh Bình	8,1	III, 4-6 làn xe
B	**ĐƯỜNG TỈNH**				
1	ĐT.491	Thành phố Phủ Lý	Huyện Lý Nhân	17,8	IV
2	ĐT.494B	Huyện Kim Bảng	Huyện Thanh Liêm	10	III
3	ĐT. 494C	Thành phố Phủ Lý	Huyện Thanh Liêm	8,1	
	Km0+000 - Km3+00	Thành phố Phủ Lý	Giao QL1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý	3,0	III, 2 làn xe
	Km3+00 - Km8+080	Giao QL1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý	Huyện Thanh Liêm	5,1	III, 4 làn xe
4	ĐT. 495B	Huyện Thanh Liêm	Huyện Lý Nhân	47,7	III, Bn = 68m
5	ĐT. 496B	Huyện Lý Nhân	Huyện Bình Lục	18,9	
	Đoạn hiện hữu	Huyện Bình Lục	Giao QL 38B		IV
	Đoạn 2	Giao QL 38B	Giao với VĐ 5 - Thủ đô Hà Nội		Bn= 30-36m
	Đoạn 3	Giao với VĐ 5 - Thủ đô Hà Nội	Huyện Lý Nhân		Bn=42m
6	ĐT. 499	Thành phố Phủ Lý	Đường Vành đai 5 - Thủ đô Hà Nội (Quy hoạch)	8,7	II (Bn=73m)
7	ĐT. 492	Điểm đầu tại nút giao QL.38B	Điểm cuối tại nút giao ĐT.491 tại Km12+500	17,4	
8	ĐT. 493	Thị xã Duy Tiên	Thành phố Phủ Lý	9,2	
9	ĐT. 493B	Thị xã Duy Tiên	Thành phố Phủ Lý	6,6	
10	ĐT. 494	giao QL.21	Ngã ba Thanh Sơn, huyện Kim Bảng	5	
11	ĐT. 495	Huyện Thanh Liêm	Giao QL.1 tại Km245+50, huyện Thanh Liêm	18,3	
12	ĐT. 495C	Thành phố Phủ Lý	Huyện Thanh Liêm	15	
13	ĐT. 496	Huyện Bình Lục	Huyện Bình Lục	20,7	

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Chiều dài dự kiến khoảng (km)	Quy mô quy hoạch (làn xe)
14	ĐT. 498	Huyện Kim Bảng	Huyện Lý Nhân	21	
15	ĐT. 498B	Huyện Kim Bảng	Thị xã Duy Tiên	9,3	
16	ĐT. 498C	Thị xã Duy Tiên	Huyện Kim Bảng	12,5	
17	ĐT. 499B	Huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	8	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

II. Các cầu trọng yếu và nút giao chính trên địa bàn thành phố, thị xã và các huyện

STT	CÁC CẦU THEO TUYẾN SÔNG VÀ THEO ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	GHI CHÚ
A	**CÁC CẦU TRÊN SÔNG ĐÁY**	
I	*ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ (02 cầu)*	
1	Cầu Phù Vân mới	
2	Cầu Đọ Xá	
II	*ĐỊA BÀN HUYỆN KIM BẢNG (06 cầu)*	
1	Cầu Tân Lang nằm trên tuyến đường liên kết vùng	
2	Cầu Khả Phong 2, kết nối đường T3 với QL 21 và hạ tầng Khu Tam Chúc	
3	Cầu Liên Sơn (*trên đường N5 - quy hoạch chung Kim Bảng*)	
4	Cầu Thi Sơn (*trên đường D7 - quy hoạch chung Kim Bảng*)	
5	Cầu Chợ Quế (*trên đường D3 - quy hoạch chung Kim Bảng*)	
6	Cầu kết nối sang cầu Phù Vân (*trên đường N7- quy hoạch chung Kim Bảng*)	
III	*ĐỊA BÀN HUYỆN THANH LIÊM (03 cầu)*	
1	Cầu trên đường T1 kéo dài	
2	Cầu qua khu vực QH cảng Thành Thắng tại xã Thanh Nghị	
3	Cầu kết nối ĐT.495C với QL 1 tại xã Thanh Hải	
B	**CÁC CẦU TRÊN SÔNG HỒNG**	
I	*ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUY TIÊN*	
1	Cầu trên trục giao thông phía Đông cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, kết nối với tỉnh Hưng Yên tại địa bàn xã Mộc Bắc *(dự kiến là tuyến tránh QL 37B)*	

STT	CÁC CẦU THEO TUYẾN SÔNG VÀ THEO ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	GHI CHÚ
II	*ĐỊA BÀN HUYỆN LÝ NHÂN*	
1	Cầu trên tuyến liên vùng ĐTM2 kết nối sang Thái Bình	
C	**CÁC CẦU TRÊN SÔNG CHÂU GIANG**	
I	*ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ (04 cầu)*	
1	Cầu trên đường 36m kết nối khu đô thị C.E.O phân kỳ 3 và phân kỳ 4	
2	Cầu trên đường gom phía Đông cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình *(đường 36m)*	
3	Cầu trên đường 54m phía Đông cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (*theo quy hoạch chung thành phố Phủ Lý)*	
4	Cầu trên trục đường Bắc - Nam kết nối từ Hưng yên sang Duy Tiên - Phủ Lý - Bình Lục - Nam Định *(dự kiến là tuyến tránh QL.37B)*	
II	*ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUY TIÊN*	
1	Cầu trên đường T3 kéo dài *(quy hoạch là ĐT.498)*	
2	Cầu trên đường N5	
3	Cầu trên đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô	
4	Cầu trên đường song hành phải và trái của Vành đai 5 - Vùng Thủ đô	
5	Cầu trên đường tránh Quốc lộ 38 mới *(Tổ dân phố Chợ Lương, phường Yên Bắc)*	
6	Cầu trên đường N1 *(nối từ phía Bắc Khu công nghiệp Đồng Văn III phía Đông Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với Cụm công nghiệp Trác Văn)*	
7	Cầu trên đường D1 phía Đông Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình *(nối từ xã Tiên Sơn với thành phố Phủ Lý)*	
III	*ĐỊA BÀN HUYỆN BÌNH LỤC*	
1	Cầu trên đường song hành của Vành đai 5 - Vùng Thủ đô *(kết nối với Lý Nhân)*	
2	Cầu trên đường ĐT.495B	
3	Cầu trên đường D3 kết nối với Lý Nhân	
4	Cầu trên trục Đ-T kết nối với ĐTM2 Lý Nhân	
5	Cầu Vùa kết nối xã An Ninh, huyện Bình Lục sang xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân	
IV	*ĐỊA BÀN HUYỆN LÝ NHÂN*	
1	Cầu kết nối QL.38B với Nam Định tại xã Hòa Hậu	
2	Cầu trên đường nối hai đền Trần	
D	**CÁC CẦU TRÊN SÔNG NHUỆ**	
I	*ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ*	
1	Cầu trên đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô	
2	Cầu trên đường song hành phải và trái của Vành đai 5 - Vùng Thủ đô	
II	*ĐỊA BÀN HUYỆN KIM BẢNG*	
1	Cầu trên đường tránh thành phố Phủ Lý	

STT	CÁC CẦU THEO TUYẾN SÔNG VÀ THEO ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	GHI CHÚ
E	**CÁC CẦU TRÊN SÔNG MĂNG GIANG (*Nối Hà Nội - Hà Nam*)**	
I	*ĐỊA BÀN HUYỆN KIM BẢNG*	
1	Cầu trên đường Vành đai 4 nối Vành đai 5	
2	Cầu trên đường cầu Tân Lang kéo dài	

Ghi chú:

- Quy mô, vị trí cụ thể các cầu vượt qua sông được xác định cụ thể theo quy định của pháp luật.

- Các cầu vượt qua các sông địa phương khác được xác định theo các tuyến đường quy hoạch. Các tuyến đường quy hoạch cắt qua các cao tốc, quốc lộ hoặc các đường trục chính khu vực: Tùy theo điều kiện sẽ xác định phương án cụ thể là cầu vượt hoặc hầm chui. Trên các tuyến đường huyện, đường đô thị sẽ xác định cụ thể tại quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị được duyệt.

III. Các nút giao chính trên địa bàn thành phố, thị xã và các huyện

TT	Đơn vị hành chính	Nút giao thông, cầu vượt, hầm chui qua đường	
		Đường bộ	**Đường sắt**
1	Thành phố Phủ Lý	+ Quốc lộ 1A: 02 cầu vượt + Quốc lộ 21A: 02 cầu vượt + Quốc lộ 21B: 01 cầu vượt + Quốc lộ 37B mới: Giao bằng thông qua đường song hành; + Đường vành đai 5 vùng Thủ đô: Giao bằng thông qua đường song hành; + Đường nối 02 Cao tốc ĐT.499: 01 cầu vượt	+ Đường sắt Cao tốc: 03 điểm hầm chui + Đường sắt Bắc - Nam: 07 điểm cầu vượt
2	Thị xã Duy Tiên	+ Nút giao của các tuyến N1, N2, N3, N5 với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: cầu vượt hoặc hầm chui.	
3	Huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm, huyện Lý Nhân, huyện Bình Lục	Các nút giao thông, cầu vượt, hầm chui qua đường.	

Phụ lục VII
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Tuyến đường thủy nội địa

TT	Danh mục đường thủy nội địa (*theo từng sông, kênh*)	Tổng chiều dài quản lý (Km)	Phân cấp theo kỹ thuật (Km)						
			Cấp Đặc biệt	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI
I	**Quy hoạch quốc gia**	**90**							
1	Sông Hồng	40			40				
2	Sông Đáy	50				50			
II	**Quy hoạch tỉnh**	**106**							
1	Sông Châu Giang	58					33		25
2	Sông Nhuệ	18						18	
3	Sông Nông Giang	13							13
4	Sông Sắt	17							17
*	**Tổng cộng**	**196**			**40**	**50**	**33**	**18**	**55**

II. Cảng thủy nội địa

TT	Tên cảng	Địa điểm	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất TK (nghìn tấn/năm)		Ghi chú
				Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg và các văn bản liên quan	Công suất thiết kế trong Quy hoạch tỉnh	
Tổng công suất thiết kế cảng					**37.500**	
I	**Cảng trên sông Hồng**		**1.000 - 3.000**		**11.700**	
1	Cảng Yên Lệnh Bắc (*)	Thị xã Duy Tiên		500	2.500	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 500 nghìn tấn/năm nay đề nghị bổ sung công suất là 2.000 nghìn tấn/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

TT	Tên cảng	Địa điểm	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất TK (nghìn tấn/năm)		Ghi chú
				Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg và các văn bản liên quan	Công suất thiết kế trong Quy hoạch tỉnh	
2	Cảng Yên Lệnh Nam (*Cụm cảng Yên Lệnh Hà Nam*) (*)	Thị xã Duy Tiên		1.000	4.000	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 1.000 nghìn tấn/năm nay đề nghị bổ sung công suất là 3.000 nghìn tấn/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
3	Cảng Thủy Long (*)	Huyện Lý Nhân		800	1.000	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 800 nghìn tấn/năm nay đề nghị bổ sung công suất là 200 nghìn tấn/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
4	Cảng Thái Hà (*Chân Lý 1)* (*)	Huyện Lý Nhân		350	1.000	Cảng Thái Hà (*Chân Lý 1 - Cảng Đại Hoàng)*: Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 350 nghìn tấn/năm, nay đề nghị bổ sung công suất là 650 nghìn tấn/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
5	Cảng Thái Hà (*cụm cảng Chân Lý 2*) (*)	Huyện Lý Nhân		350	1.500	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 350 nghìn tấn/năm, nay đề nghị bổ sung công suất là 1.150 nghìn tấn/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
6	Cảng Phú Phúc	Huyện Lý Nhân		500	500	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021
7	Cảng Hòa Hậu	Huyện Lý Nhân		500	500	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021
8	Các cảng khác			700	700	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021

TT	Tên cảng	Địa điểm	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất TK (nghìn tấn/năm)		Ghi chú
				Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg và các văn bản liên quan	Công suất thiết kế trong Quy hoạch tỉnh	
II	**Cảng trên Sông Đáy**		**1.000 - 5.000**		**13.800**	
1	Cảng Châu Sơn	Thành phố Phủ Lý		400	400	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021
2	Cảng khoáng sản Nam Hà	Huyện Thanh Liêm		700	700	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 700 nghìn tấn/năm nay
3	Cảng Hồng Hà	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
4	Cảng Minh Thành Phát	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm nay
5	Cảng Hoa Đức	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
6	Cảng Bắc Hà	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
7	Cảng Sơn Hữu	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
8	Cảng Hữu Trí	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
9	Cảng Tân Lập	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 công suất là 300 nghìn tấn/năm
10	Cảng thủy nội địa chuyên dùng xăng dầu	Huyện Kim Bảng			200	Theo Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 (*Kho xăng dầu Kim Bảng tại xã Thi Sơn*); Văn bản số 4459/BGTVT-KHĐT ngày 22/4/2017

TT	Tên cảng	Địa điểm	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất TK (nghìn tấn/năm)		Ghi chú
				Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg và các văn bản liên quan	Công suất thiết kế trong Quy hoạch tỉnh	
11	Cảng Bút Sơn *(bờ Hữu)*	Thành phố Phủ Lý		1.900	1.900	Theo Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013, 1052/QĐ-BGTVT ngày công suất là 1.900 nghìn tấn/năm
12	Cảng Vissai 1 (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm		1.500	1.500	Theo Quyết định số 1297/QĐ-CĐTNĐ
13	Cảng Xuân Thành (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm		2.000	2.000	Theo Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013, 805/QĐ-CĐTNĐ công suất là 2.000 nghìn tấn/năm
14	Cảng Hoàng Long (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm		900	900	Theo Quyết định số 1484/QĐ-CĐTNĐ
15	Cảng Thành Thắng (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm		800	800	Theo Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013, 864/QĐ-CĐTNĐ công suất là 800 nghìn tấn/năm
16	Cảng Nam Kinh - Bờ hữu sông Đáy	Huyện Thanh Liêm		300	300	Theo Quyết định số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 có công suất là 300 nghìn tấn/năm
17	Cảng Vissai 2 (*bờ Hữu sông Đáy*) (*)	Huyện Thanh Liêm			3.000	Được Bộ GTVT chấp thuận bổ sung vào quy hoạch cảng thủy nội địa phía Bắc tại văn bản số 4300/BGTVT-KHĐT ngày 09/5/2019
III	**Các cảng quy hoạch mới** (*)				**12.000**	
1	Cảng Xuân Thành (*bờ Tả sông Đáy*)	Huyện Thanh Liêm			6.000	Văn bản 1747/UBND-GTXD ngày 30/6/2017 v/v chủ trương nghiên cứu đề xuất dự án

TT	Tên cảng	Địa điểm	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất TK (nghìn tấn/năm)		Ghi chú
				Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg và các văn bản liên quan	Công suất thiết kế trong Quy hoạch tỉnh	
2	Cảng thủy nội địa chuyên dùng - Nhà máy xi măng Thành Thắng (*bờ Đông sông Đáy*)	Huyện Thanh Liêm			6.000	Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nghiên cứu, khảo sát Dự án đầu tư xây dựng cảng và bến neo đậu tàu thuyền phục vụ dây chuyền số 4, số 5 Nhà máy xi măng Thành Thắng (*cảng thủy nội địa chuyên dùng*) tại xã Thanh Nghị, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm với diện tích khoảng 24ha tại văn bản số 2688/UBND-GTXD ngày 07/10/2021 (*thực hiện theo Thông báo số 194-TB/TU ngày 29/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- (*) Các cảng nâng công suất và quy hoạch mới nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm tải, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Phụ lục VIII

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUA ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Kết cấu hạ tầng tuyến đường sắt

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến khoảng (km)
I	**Tuyến ĐS Bắc - Nam hiện hữu**			
1	Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	Thị xã Duy Tiên	Huyện Thanh Liêm	31,25
II	**Tuyến ĐS tốc độ cao**			
1	Đoạn hành lang ven biển Bắc - Nam, khu đoạn Hà Nội - Vinh	Thị xã Duy Tiên	Huyện Bình Lục	36,15
III	**Tuyến ĐS nội vùng**			
1	Tuyến đường sắt nội vùng nằm về phía Đông đường sắt cao tốc Bắc Nam	Tiếp giáp với Hà Nội	Thành phố Phủ Lý	

Ghi chú: Chiều dài điểm đầu, điểm cuối và chiều dài xây dựng thực tế được xác định cụ thể theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt

II. Kết cấu hạ tầng ga đường sắt

TT	Tên Ga	Loại ga	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Đường sắt Bắc - Nam**			
1	Ga Phủ Lý	Hàng hóa và hành khách	Thành phố Phủ Lý	
2	Ga Đồng Văn	Hàng hóa và hành khách	Thị xã Duy Tiên	
3	Ga Bình Lục	Hàng hóa và hành khách	Huyện Bình Lục	
II	**Đường sắt tốc độ cao**			
1	Ga Phủ Lý		Thành phố Phủ Lý	
2	Trạm bảo dưỡng		Huyện Bình Lục	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục IX
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG LOGISTICS, CẢNG ICD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên Trung tâm	Loại	Diện tích dự kiến	Địa điểm dự kiến
I. Trung tâm logistics				
	Cấp Vùng			
1	Trung tâm logistics, cảng cạn	Trung tâm trung chuyển	30 ha	Huyện Bình Lục, quy mô trung tâm logistics, cảng cạn đảm bảo phù hợp với các quy hoạch được duyệt
	Cấp tỉnh			
1	Trung tâm Logistic, cảng cạn Yên Lệnh	Trung tâm trung chuyển	10 ha	Thị xã Duy Tiên
II. Cảng ICD				
1	Cảng cạn Tân cảng Hà Nam	Cảng cạn	9,4 ha	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, thị xã Duy Tiên

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục X
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
I	**Nguồn điện**				
1	Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (*Quy hoạch Điện VIII*)				
2	Phát triển nguồn năng lượng tái tạo:				
2.1	- Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu, không giới hạn công suất (*điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào lưới điện quốc gia*).				
2.2	- Phát triển các dự án điện mặt trời nối lưới có công suất đến 15MW				
2.3	- Phát triển các công trình điện sinh khối có công suất đến 15MW				
3	Phát triển các công trình điện rác có công suất đến 15MW				
4	Phát triển các công trình điện khí Biogas có công suất đến 15MW				
II	**Lưới điện 500kV**				
1	Mạch 2 đường dây 500kV Nho Quan - Thường Tín	Số mạch	2		Xây dựng mới, cải tạo một mạch thành hai mạch
2	TBA 500kV Hà Nam	máy x MVA		2x900	
3	Xây dựng mới đường dây 500kV (hai mạch) Hà Nam - Thái Bình (đấu nối TBA 500kV Hà Nam)	Số mạch		2	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
III	**Lưới điện 220kV**				
1	TBA 220kV Lý Nhân	máy x MVA	2x250	3x250	Thiết kế sơ đồ linh hoạt 4 phân đoạn thanh cái
2	TBA 220kV Đồng Văn	máy x MVA	2x250	3x250	Thiết kế sơ đồ linh hoạt 4 phân đoạn thanh cái
3	TBA 220kV Kim Bảng	máy x MVA		2x250	Thiết kế sơ đồ linh hoạt 4 phân đoạn thanh cái
4	Lắp AT3 TBA 220kV Phủ Lý	máy x MVA		1x250	
5	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220kV linh hoạt, 4 phân đoạn tại trạm 220kV Thanh Nghị				
6	Mạch 2 đường dây 220kV Hà Đông - Ứng Hòa - Phủ Lý	Số mạch x km	2x40		Xây dựng mới, cải tạo một mạch thành hai mạch
7	Mạch 2 đường dây 220kV Nho Quan - Phủ Lý	Số mạch x km	2x27		Xây dựng mới, cải tạo một mạch thành hai mạch
8	Xây dựng mới đường dây 220kV (*bốn mạch*) Lý Nhân - rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	Số mạch x km	4x2		Xây dựng mới đấu nối TBA 220kV Lý Nhân
9	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Đồng Văn - Phủ Lý	Số mạch x km	2x15		Xây mới, đấu nối TBA 220kV Đồng Văn, trường hợp TBA 220kV Phủ Lý không mở rộng được ngăn lộ xem xét đấu chuyển tiếp đường dây 220kV Hà Đông - Phủ Lý
10	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Thái Bình - Thanh Nghị	Số mạch x km	2x60		Xây mới, đấu nối phía 220kV TBA 500kV Thái Bình
11	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Hưng Yên - Đồng Văn	Số mạch x km	2x14		Xây mới, đấu nối phía 220kV TBA 500kV Hưng Yên

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
12	Xây dựng mới đường dây 220kV (*bốn mạch*) Phủ Lý - Rẽ Kim Bảng - Hà Đông	Số mạch x km		4x3,5	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Kim Bảng, trường hợp vị trí TBA 220kV Kim Bảng không thuận lợi xem xét xây dựng mới đường dây 220kV (*bốn mạch*) đấu nối trên tuyến Đồng Văn - Phủ Lý
13	Xây dựng mới đường dây 220kV (*bốn mạch*) Hà Nam - rẽ Thanh Nghị - Lý Nhân (đấu nối phía 220kV TBA 500kV Hà Nam);	Số mạch		4	
14	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Hà Nam - Đồng Văn (*đấu nối phía 220kV TBA 500kV Hà Nam*)	Số mạch		2	
IV	**Lưới điện 110kV**				
1	Nâng công suất TBA 110kV Long Thành	máy x MVA	55+63		
2	Nâng công suất TBA 110kV Thành Thắng	máy x MVA	2x45		
3	Nâng công suất TBA 110kV Thành Thắng 3	máy x MVA	2x45		
4	Nâng công suất TBA 110kV Thạch Tổ	máy x MVA	63+40	2x63	
5	Nâng công suất TBA 110kV Lý Nhân	máy x MVA	2x63		
6	Nâng công suất TBA 110kV Thanh Nghị	máy x MVA	2x63		
7	Nâng công suất TBA 110kV Kiện Khê	máy x MVA	3x63		
8	Nâng công suất TBA 110kV Bình Lục	máy x MVA	2x63		
9	Nâng công suất TBA 110kV Hòa Mạc	máy x MVA	2x63		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
10	Nâng công suất TBA 110kV Châu Sơn	máy x MVA	4x63		Lắp đặt MBA T3 và T4, công suất 2x 63MVA
11	Xây dựng mới TBA 110kV Châu Sơn 2	máy x MVA	2x63		Xây dựng TBA 110kV Châu Sơn 2 trên cơ sở tách MBA T3, T4 TBA Châu Sơn
12	Xây dựng mới TBA 110kV xi măng Hoàng Long	máy x MVA	2x25		
13	Xây dựng mới TBA 110kV Tiên Hiệp	máy x MVA	2x63		
14	Xây dựng mới TBA 110kV Nhân Mỹ	máy x MVA	2x63		
15	Xây dựng mới TBA 110kV Ba Sao	máy x MVA	40+63	2x63	
16	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà	máy x MVA	2x63		
17	Xây dựng mới TBA 110kV Đồng Văn 2	máy x MVA	2x63		
18	Xây dựng mới TBA 110kV Phủ Lý 2	máy x MVA	63	2x63	
19	Xây dựng mới TBA 110kV Phủ Lý 3	máy x MVA	63	2x63	
20	Xây dựng mới TBA 110kV Duy Tiên 2	máy x MVA	2x63		
21	Xây dựng mới TBA 110kV Lý Nhân 2	máy x MVA	2x63		
22	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Liêm	máy x MVA	63	2x63	
23	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 2	máy x MVA	2x63		
24	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 2	máy x MVA	63	2x63	
25	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 3	máy x MVA	2x63		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
26	Xây dựng mới TBA 110kV Đồng Văn 5	máy x MVA	2x63		
27	Xây dựng mới TBA 110kV Hòa Mạc 2	máy x MVA	63	2x63	
28	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 3	máy x MVA	63	2x63	
29	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 4	máy x MVA	2x63		
30	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà 2	máy x MVA	63	2x63	
31	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà 3	máy x MVA	63	2x63	
32	Xây dựng mới TBA 110kV Lý Nhân 3	máy x MVA	63	2x63	
33	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 4	máy x MVA	2x63		
34	Xây dựng mới TBA 110kV Kiện Khê 2	máy x MVA	63	2x63	
35	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Bình	máy x MVA	63	2x63	
36	Xây dựng mới TBA 110kV Duy Tiên 3	máy x MVA		2x63	
37	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân (*tách tuyến Lý Nhân - Mỹ Lộc*)	số mạch x tiết diện	2x300		
38	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân (*tách tuyến Lý Nhân - Đồng Văn*)	số mạch x tiết diện	2x300		
39	Xuất tuyến 220 Lý Nhân - T110 Thái Hà	số mạch x tiết diện	2x300		
40	Xuất tuyến 220 Lý Nhân - T110 Bình Lục	số mạch x tiết diện	2x300		
41	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn - Duy Tiên 2	số mạch x tiết diện	2x300		
42	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn (*tách tuyến Đồng Văn - Lý Nhân*)	số mạch x tiết diện	4x300		
43	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn - Tiên Hiệp (*tách đường dây rẽ Tiên Hiệp*)	số mạch x tiết diện	2x300		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
44	Xuất tuyến 220kV Phủ Lý - Phủ Lý 3 - Tiên Hiệp	số mạch x tiết diện	2x300		
45	Xuất tuyến 220kV Thanh Nghị - Kiện Khê	số mạch x tiết diện	2x300		
46	Nhánh rẽ đường dây 110kV TBA 110kV Châu Sơn (*mạch 2*)	số mạch x tiết diện	2x400		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Phủ Lý - Thạch Tổ
47	Rẽ TBA 110kV XM Hoàng Long	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Thanh Nghị - XM Thành Thắng
48	Rẽ TBA 110kV Duy Tiên 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Hòa Mạc - Hưng Yên
49	Rẽ TBA 110kV Tiên Hiệp	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lý Nhân - Đồng Văn
50	Rẽ TBA 110kV Nhân Mỹ	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Lý Nhân - Mỹ Lộc
51	Xuất tuyến 220kV Phủ Lý - T110 Ba Sao	số mạch x tiết diện	2x300		
52	Rẽ TBA 110kV Đồng Văn 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây Lý Nhân - Đồng Văn
53	Rẽ TBA 110kV Phủ Lý 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Lý Nhân - Phủ Lý
54	Rẽ TBA 110kV Lý Nhân 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lý Nhân - Đồng Văn
55	Rẽ TBA 110kV Thanh Liêm	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Thanh Nghị - Thạch Tổ
56	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Kim Bảng - Mỹ Đức

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
57	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lý Nhân - Bình Lục
58	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 3	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Thanh Nghị - Bình Lục
59	Rẽ TBA 110kV Đồng Văn 5	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Lý Nhân - Đồng Văn 2
60	Rẽ TBA 110kV Hòa Mạc 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Hòa Mạc - Hưng Yên
61	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 3	số mạch x tiết diện	2x400		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Phủ Lý - Thạch Tổ
62	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 4	số mạch x tiết diện	2x400		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Phủ Lý - Đồng Văn
63	XT 220kV Lý Nhân - T110 Thái Hà 2	số mạch x tiết diện	2x300		
64	Rẽ TBA 110kV Thái Hà 3	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lý Nhân - Thái Hà 2
65	Rẽ TBA 110kV Lý Nhân 3	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên đường dây Lý Nhân - Mỹ Lộc
66	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 4	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lý Nhân - Bình Lục
67	Rẽ TBA 110kV Kiện Khê 2	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Thanh Nghị - Kiện Khê
68	Rẽ TBA 110kV Thanh Bình	số mạch x tiết diện	2x300		Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Ninh Bình - Thanh Nghị

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
69	Rẽ TBA 110kV Duy Tiên 3	số mạch x tiết diện		2x(2x300)	Đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây nhánh rẽ Tiên Hiệp
70	Xuất tuyến 220kV Kim Bảng (*tách tuyến Phủ Lý - Đồng Văn*)	số mạch x tiết diện		4x(2x300)	
71	Xuất tuyến 220kV Kim Bảng (*tách tuyến Phủ Lý - Phủ Lý 3 - Tiên Hiệp*)	số mạch x tiết diện		4x(2x300)	
72	Xuất tuyến 220kV Kim Bảng (*tách tuyến Phủ Lý - Kim Bảng - Mỹ Đức*)	số mạch x tiết diện		4x(2x300)	
73	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x400	2x(2x300)	
74	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T220 Thanh Nghị - T220 Ninh Bình, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	
75	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Thạch Tổ, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x400	2x(2x300)	
76	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Kim Bảng - T110 Mỹ Đức - T110 Vân Đình, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	Cải tạo 1 mạch, xây dựng mới 1 mạch
77	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Phủ Lý 3 - T110 Tiên Hiệp - T220 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	
78	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Thạch Tổ, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	1x400	1x(2x300)	
79	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Bình Lục - T110 Hiển Khánh - T110 Ý Yên, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	1x400	1x(2x300)	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
80	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Kiện Khê, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	
81	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	Giai đoạn chưa hình thành T220 Lý Nhân thì cải tạo từ T110 Lý Nhân - T110 Đồng Văn, dây dẫn AC300
82	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Mỹ Lộc, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	1x400	1x(2x300)	
83	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Lý Nhân - T110 Phủ Lý, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	1x300	1x(2x300)	Đoạn tuyến T220 Lý Nhân - T110 Lý Nhân thiết kế 3 mạch đồng bộ với 2 mạch T220 Lý Nhân - T110 Đồng Văn
84	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Bình Lục, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	
85	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Thái Hà 2 - T110 Thái Hà 3, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	
86	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn đoạn tuyến XT TBA 220kV Đồng Văn (*tách tuyến Đồng Văn - Lý Nhân*) đồng bộ với tuyến từ T220 Lý Nhân - T220 Đồng Văn - T110 Đồng Văn	số mạch x tiết diện	4x300	4x(2x300)	
87	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T110 Hòa Mạc - T220 Hưng Yên, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2021 - 2030	Dự kiến Quy mô, công suất giai đoạn 2031 - 2050	Ghi chú
88	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Vissai Hà Nam	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	Hoàn thiện sơ đồ trạm biến áp
89	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Vissai 3	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	Hoàn thiện sơ đồ trạm biến áp
90	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Bút Sơn (*Bút Sơn 1, Bút Sơn 2*)	số mạch x tiết diện	2x300	2x(2x300)	Hoàn thiện sơ đồ trạm biến áp

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện, đầu tư các dự án xây mới và cải tạo các trạm biến áp và tuyến đường dây trên địa bàn căn cứ vào Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các Quy hoạch chuyên ngành điện (*nếu có*).

- Vị trí của các trạm biến áp, điểm đấu nối và chiều dài các tuyến đường dây được chuẩn xác trong giai đoạn lập dự án và thực hiện đầu tư.

Phụ lục XI
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm Dự kiến	Nội dung, quy mô đầu tư
1	Xây dựng chính quyền số	Toàn tỉnh	Thực hiện theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 ngày 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
2	Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Nam	Toàn tỉnh	Đầu tư, phát triển hạ tầng số, xây dựng các nền tảng dữ liệu dùng chung, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan. Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp; phát triển kinh tế số và xã hội số, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.
3	Xây dựng đề án đô thị thông minh	Thành phố Phủ Lý và thị xã Duy Tiên	Xây dựng đề án hình thành 02 đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Phủ Lý và thị xã Duy Tiên. Đầu tư cơ sở kết cấu hạ tầng với trọng tâm là hạ tầng số phục vụ đề án.
4	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh	Toàn tỉnh	Đầu tư hạ tầng, nền tảng dữ liệu, hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT), bố trí nhân lực quản lý, vận hành.
5	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Hà Nam (SOC)	Toàn tỉnh	Đáp ứng triển khai an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông.
6	Triển khai xây dựng hệ thống thông tin nguồn; hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Toàn tỉnh	Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thông tin cơ sở

STT	Danh mục dự án	Địa điểm Dự kiến	Nội dung, quy mô đầu tư
7	Ứng dụng bản đồ số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Dự án số hóa quy trình nghiệp vụ phục vụ cho sản xuất, phát sóng báo nói, báo hình và trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn tỉnh	Tại các cơ quan báo chí

Phụ lục XII
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC LIÊN HUYỆN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung	Công suất dự kiến nhà máy (m^3/ngđ)	Định hướng phát triển
A	**NHÀ MÁY CẤP NƯỚC**		
1	Các nhà máy nước trên sông Hồng	600.000	Cải tạo, nâng công suất và xây dựng mới
2	Các nhà máy nước trên sông Đáy	200.000	Cải tạo, nâng công suất và xây dựng mới
B	**MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG ỐNG CẤP I**		Xây dựng hệ thống đường ống truyền tải theo các trục giao thông chính kết nối các nhà máy nước và các vùng cấp nước đảm bảo an toàn cấp nước
C	**Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh**		

Ghi chú: Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định.

Phụ lục XIII
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦY LỢI; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Công trình xây dựng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng
A	**Trạm bơm cải tạo**	**Các huyện, thị xã, thành phố**
I	**Công trình ưu tiên cải tạo, nâng cấp**	
1	Trạm bơm Hoàng Tây	Huyện Kim Bảng
2	Trạm bơm Kim Bình	Huyện Kim Bảng
3	Trạm bơm Chợ Lương	Thị xã Duy Tiên
4	Trạm bơm Lạc Tràng Bộ	Thành phố Phủ Lý
5	Trạm bơm Điệp Sơn	Thị xã Duy Tiên
6	Trạm bơm Tiên Phong	Thị xã Duy Tiên
7	Trạm bơm Khả Phong	Huyện Kim Bảng
8	Xây dựng trạm bơm Quan Trung	Huyện Lý Nhân
9	Trạm bơm Cầu Ghéo	Huyện Bình Lục
10	Trạm bơm Tân Sơn	Huyện Kim Bảng
11	Trạm bơm Quế II	Huyện Kim Bảng
12	Trạm bơm Bút I	Thị xã Duy Tiên
13	Trạm bơm Đồng Vàng	Thị xã Duy Tiên
14	Trạm bơm Ngọc Động	Thị xã Duy Tiên
15	Trạm bơm Duy Hải	Thị xã Duy Tiên
16	Nâng cấp, cải tạo 54 trạm bơm hiện trạng khác	Các huyện, thị xã, thành phố
II	**Đối với công trình tiếp nguồn**	
1	Xây dựng đập điều tiết Quan Trung - Vĩnh Trụ	Huyện Lý Nhân
2	Cải tạo nâng cấp các cống dưới đê: Cống lấy nước Trạm bơm Như Trác; Cống dẫn nước Trạm bơm Nhâm Tràng	Các huyện, thị xã, thành phố
3	Cải tạo bổ sung, nâng cấp các trạm bơm theo quy hoạch Bắc Nam Hà	Các huyện, thị xã, thành phố
III	**Nạo vét, kiên cố hóa hệ thống kênh**	
1	Các trục kênh tiêu chính về các trạm bơm đầu mối trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
B	**Trạm bơm ưu tiên xây mới**	
1	Trạm bơm Tân Sơn II	Huyện Kim Bảng
2	Xây dựng trạm bơm Mộc Bắc	Thị xã Duy Tiên

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng
3	Xây dựng trạm bơm Nguyên Chính	Huyện Lý Nhân
4	Xây dựng trạm bơm đầu mối	Huyện Lý Nhân
5	Xây dựng trạm bơm phía Tây đường cao tốc	Thành phố Phủ Lý
6	Xây dựng trạm bơm phía Đông đường cao tốc	Thành phố Phủ Lý
7	Xây dựng trạm bơm Thanh Liêm I	Huyện Thanh Liêm
C	**Cải tạo nâng cấp hệ thống các kênh dẫn tưới, tiêu chính; kênh cấp I, cấp II về các trạm bơm đầu mối**	**Các huyện, thị xã, thành phố**
D	**Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa, hồ điều hòa hiện có; xây dựng mới các hồ chứa, hồ điều hòa theo quy hoạch đô thị, nông thôn**	**Các huyện, thị xã, thành phố**
Đ	**Xây dựng tu bổ hệ thống đê điều**	
1	Cải tạo, gia cố tăng khả năng thoát lũ và chống xói lở bờ sông Đáy đoạn từ Quền Vồng đến cầu Khả Phong thuộc địa phận xã Khả Phong huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng
2	Xử lý cấp bách các cống dưới đê từ cấp III trở lên	Thành phố Phủ Lý, Thị xã Duy Tiên, các huyện Lý Nhân, Thanh Liêm, Kim Bảng
3	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vay vốn ADB đối với các hợp phần trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Thị xã Duy Tiên, huyện Lý Nhân, huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm
4	Nâng cấp một số tuyến đê bối thuộc tuyến đê tả Đáy	Thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm, huyện Kim Bảng
5	Nâng cấp một số tuyến đê bối thuộc tuyến đê hữu Hồng	Thị xã Duy Tiên, huyện Lý Nhân
6	Đầu tư nâng cấp đê hữu Đáy từ ranh giới Hà Nội, Hà Nam đến cầu Kiện Khê theo Quyết định số: 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy	Thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm, huyện Kim Bảng

2. Mực nước và lưu lượng thiết kế cho các tuyến sông có đê

a) Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế trên hệ thống sông Hồng

TT	Vị trí	Tương ứng Km đê	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)
1	Trạm thủy văn Hưng Yên	K127+000 hữu Hồng	8,3	16.400
2	Cống Tắc Giang	K129+494 hữu Hồng	8,0	16.300
3	Nhật Tảo	K142+000 hữu Hồng	7,4	14.400
4	Cống Như Trác	K145+578 hữu Hồng	7,2	14.300
5	Trạm Thủy văn Phú Nha	K151+500 hữu Hồng	6,7	12.200
6	Cống Hữu Bị 1	K156+652 hữu Hồng	6,4	12.200

b) Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế tuyến sông Đáy

TT	Vị trí	Tương ứng Km đê	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)
1	Tân Lang	K90 tả Đáy	5,97	2.162
2	Trạm đo Quế	K101+100 tả Đáy	5,55	2.145
3	Phủ Lý	K110 tả Đáy	5,19	2.173

c) Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế tuyến sông Châu Giang

TT	Vị trí	Tương ứng Km đê	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)
1	Thôn Phúc Hạ, xã Hợp Lý	K6+960 Nam Châu Giang	4,98	363
2	Cống Lò Gạch	K20+690 Nam Châu Giang	4,76	361
3	Phủ Lý	K22+990 Nam Châu Giang	4,74	360

d) Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế tuyến sông Nhuệ

TT	Vị trí	Tương ứng Km đê	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)
1	Ngọc Động	K64+020 tả Nhuệ	4,97	150
2	Đại Cầu	K70+720 tả Nhuệ	4,76	158

đ) Mực nước và lưu lượng lũ thiết kế tuyến sông Duy Tiên

TT	Vị trí	Tương ứng Km đê	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)
1	Cống I4/10	K14+765	4,72	350

3. Danh mục các bãi sông có khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ

TT	Bãi sông	Số lượng bối, bãi	Số lượng khu dân cư tập trung	Ghi chú
1	Bãi sông Hồng	03	05	
2	Bãi sông Đáy	08	20	
2.1	*Hữu sông Đáy*	*02*	*05*	
2.2	*Tả sông Đáy*	*06*	*15*	
3	Bãi sông Châu Giang	10	27	
3.1	*Bắc Châu Giang*	*06*	*18*	
3.2	*Nam Châu Giang*	*04*	*09*	

4. Phương án phát triển hệ thống đê điều

TT	Tuyến đê	Vị trí	Km÷Km	Chiều dài (*km*)	Cấp đê	
					Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp	Dự kiến theo Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT
A	**Đê cấp I, III**			**88,489**		

TT	Tuyến đê	Vị trí	Km÷Km	Chiều dài (*km*)	Cấp đê	
					Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp	Dự kiến theo Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT
1	**Hữu Hồng**			**38,973**	I	
		Thị xã Duy Tiên	K117,900-K129,530	11,630	I	
		Huyện Lý Nhân	K129,530-K156,873	27,343	I	
2	**Tả Đáy**			**49,516**	III	
		Huyện Kim Bảng	K88,000-K101,520	13,520	III	
		Thành phố Phủ Lý	K101,520-K116,750	15,230	III	
		Huyện Thanh Liêm	K116,750-K137,516	20,766	III	
B	**Đê dưới cấp III**			**97,180**		
1	**Tả Nhuệ**	Từ giáp xã Đông Lỗ huyện Ứng Hòa - xã Tiên Tân		**12,250**		IV
		Thị xã Duy Tiên		*6,066*		
			K59,557-K62,967	3,410		IV
			K63,838-K65,568	1,730		IV
			K66,895-K67,821	0,926		IV
		Huyện Kim Bảng		*2,198*		
			K62,967-K63,838	0,871		IV
			K65,568-K66,895	1,327		IV
		Thành phố Phủ Lý		*3,986*		
			K67,821-K71,807	3,986		IV
2	**Hữu Nhuệ**	Cống Kẹo - giáp đê tả Đáy		**10,650**		IV
		Thị xã Duy Tiên		*1,300*		
			K61,150-K62,450	1,300		IV
		Huyện Kim Bảng		*4,900*		
			K62,450-K67,350	4,900		IV
		Thành phố Phủ Lý		*4,450*		
			K67,350-K71,800	4,450		IV
3	**Hoành Uyển**	Giáp đường 1A đến cống Điệp Sơn	K4,450-K21,165	**16,715**		IV
4	**Bắc Châu Giang**	Cống Điệp Sơn đến Quốc lộ 1A phường Lam Hạ		**17,410**		IV
		Thị xã Duy Tiên	K0,000-K9,600	9,600		IV
		Thành phố Phủ Lý	K9,600-K17,410	7,810		IV

TT	Tuyến đê	Vị trí	Km÷Km	Chiều dài (*km*)	Cấp đê	
					Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp	Dự kiến theo Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT
5	**Nam Châu Giang**	Chính Lý, Lý Nhân đến Lương Khánh Thiện, Phủ Lý		**23,500**		IV
		Huyện Lý Nhân	K0,000-K11,000	11,000		IV
		Huyện Bình Lục	K11,000-K14,000	3,000		IV
		Thành phố Phủ Lý	K14,000-K23,500	9,500		IV
6	**Chắn nước Hà Tây và tả Duy Tiên**	Ranh giới Hà Tây cũ và xã Mộc Bắc - xã Trác Văn, Duy Tiên	K0,000-K16,655	**16,655**		V
C	**Đê bối**		Km - Km theo đê chính	**71,325**		
I	**Bối đê hữu Hồng**			**23,300**		
1	Bối Chuyên Ngoại	Thị xã Duy Tiên	K124,058-K129,300	6,000		V
2	Bối Hồng Lý	Huyện Lý Nhân	K136,588-K141,606	7,150		V
3	Bối Nhân Long	Huyện Lý Nhân	K146,588-K152,912	7,590		V
4	Bối Nhân Hòa	Huyện Lý Nhân	K153,933-K156,429	2,560		V
II	**Bối đê tả Đáy**			**22,620**		
1	Bối Thụy Xuyên	Huyện Kim Bảng	K95,280-K96,000	2,700		V
2	Bối Kim Bình	Thành phố Phủ Lý	K104,858-K107,278	2,900		V
3	Bối Phù Vân	Thành phố Phủ Lý	K103,000-K104,500	7,900		V
4	Bối Lạc Tràng	Thành phố Phủ Lý	K107,700-K109,500	2,200		V
5	Bối Đọ Xá - Lại Xá	Thành phố Phủ Lý	K113,300-K116,000	1,920		V
6	Bối Trung Lương	Huyện Thanh Liêm	K120,500-K121,900	1,500		V
7	Bối Nham Kênh	Huyện Thanh Liêm	K125,850-K126,400	1,500		V
8	Bối Đại Bái	Huyện Thanh Liêm	K129,400-K130,400	2,000		V
III	**Bối đê sông con**			**25,405**		
	Bối đê Bắc Châu Giang			**8,480**		
1	Bối Tiên Phong	Thị xã Duy Tiên	K4,900-K6,400	3,930		V

TT	Tuyến đê	Vị trí	Km÷Km	Chiều dài (*km*)	Cấp đê	
					Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp	**Dự kiến theo Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT**
2	Bối Lê Xá	Thị xã Duy Tiên	K6,870-K8,610	1,450		V
3	Bối Hòa Lạc	Thành phố Phủ Lý	K11,070-K16,380	3,100		V
	Bối đê Nam Châu Giang			**8,590**		
1	Bối Tràng An	Huyện Bình Lục	K13,000-K14,000	1,000		V
2	Bối Đinh Xá	Thành phố Phủ Lý	K14,000-K17,000	5,250		V
3	Bối Triệu Xá	Thành phố Phủ Lý	K18,500-K19,500	1,500		V
4	Bối Phú Đông	Thành phố Phủ Lý	K20,500-K20,800	0,840		V
	Bối đê chắn nước Hà Tây và tả Duy Tiên			**6,300**		
1	Bối Trác Văn	Thị xã Duy Tiên	K14,125-K15,454	5,100		V
2	Bối Lỗ Hà	Thị xã Duy Tiên	K15,545-K16,655	1,200		V
	Bối đê Hoành Uyển			**2,035**		
1	Bối bãi Bùi	Thị xã Duy Tiên	K11,642-K12,432	0,790		V
2	Bối Vòng Đỉnh	Thị xã Duy Tiên	K12,432-K12,632	0,550		V
3	Bối Quan Nha	Thị xã Duy Tiên	K17,315-K17,615	0,695		V
D	**Hữu Đáy (*theo Quy hoạch 1821/QĐ-TTg*)**			**24,000**		
		Ranh giới Hà Nội, Hà Nam - Giao cắt TL 977		4,700		Tuyến đê theo Quy hoạch
		Giao cắt giữa TL 977 và 978 - Cống 3 cửa		1,000		
		Cống 3 cửa - Cầu Phủ Lý		10,800		
		Cầu Phủ Lý - Cầu Kiện Khê		7,500		
	Tổng			**280,994**		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, chiều dài các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI, KHU NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	**Khu xử lý chất thải rắn tập trung**	
1	Nhà máy xử lý rác tại thung Cổ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm.	Huyện Thanh Liêm
2	Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm.	Huyện Thanh Liêm
3	Các nhà máy xi măng Bút Sơn, Xuân Thành, Thành Thắng,...	Huyện Thanh Liêm, huyện Kim Bảng
II	**Khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng**	
1	06 Nghĩa trang tập trung cấp huyện (*được cụ thể hóa trong Quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch xây dựng vùng huyện*)	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú: Ngoài ra, đất bãi thải, xử lý rác nhỏ, lẻ, khu nghĩa trang khác sẽ được bố trí thêm tại các quy hoạch cấp huyện, cấp xã. Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án số được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Xem tiếp Công báo số 51 + 52)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng